

BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN LOGIC HỌC CÓ ĐÁP ÁN

Câu 1. Đối tượng của logic học là gì?

- A. Nhận thức
- B. Tính chân lý của tư tưởng
- C. Tư duy
- D. *Kết cấu và quy luật của tư duy*

Câu 2. Tư duy có những đặc tính nào?

- A. Cụ thể, sinh động, trừu tượng, khái quát.
- B. Gián tiếp, năng động - sáng tạo, sinh động và sâu sắc.
- C. Trực tiếp, liên hệ với ngôn ngữ, trừu tượng, khái quát, sâu sắc.
- D. *Gián tiếp, năng động - sáng tạo, trừu tượng, khái quát, sâu sắc.*

Câu 3. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. *Tư duy càng trừu tượng thì càng khái quát.*
- B. Tư duy càng trừu tượng thì càng chính xác.
- C. Tư duy càng khái quát thì càng gián tiếp và đúng đắn.
- D. Tư duy càng khái quát thì càng gián tiếp, càng trừu tượng, càng đúng đắn, càng năng động - sáng tạo.

Câu 4. Hình thức tư duy, kết cấu logic của tư tưởng là gì?

- A. Những cái tiên nghiệm.
- B. Hai cái hoàn toàn khác nhau.
- C. *Một bộ phận của nội dung tư tưởng.*

D. Những sơ đồ, công thức, ký hiệu do con người đặt ra để dễ dàng diễn đạt nội dung tư tưởng.

Câu 5. Bổ sung để có một câu đúng của V.I.Lênin: “Những hình thức logic và những quy luật logic không phải là cái vô trống rỗng mà là ... của thế giới khách quan”.

A. sản phẩm

B. công cụ nhận thức

C. phản ánh

D. nguồn gốc

Câu 6. Quy luật tư duy (quy luật logic của tư tưởng) là gì?

A. Mọi liên hệ bản chất, tất yếu, khách quan giữa các tư tưởng.

B. Cái chi phối các kết cấu của tư tưởng để đảm bảo cho tư tưởng phản ánh đúng đối tượng được tư tưởng.

C. Các yêu cầu đối với tư duy để tư duy phù hợp với hiện thực.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 7. Từ “logic” trong tiếng Việt có nghĩa là gì?

A. Mọi liên hệ mang tính tất yếu giữa các sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan.

B. Mọi liên hệ mang tính tất yếu giữa những ý nghĩ, tư tưởng trong hiện thực chủ quan.

C. Logic học.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 8. Logic học là gì?

A. Khoa học về tư duy.

B. Môn học nghiên cứu các hình thức và quy luật của tư duy.

C. Môn học nhằm làm trong sáng đầu óc.

D. Khoa học vạch ra sự phù hợp của tư tưởng với tư tưởng.

Câu 9. Bổ sung từ còn thiếu để có một câu đúng: “Vấn đề về tính chân lý của tư duy là vấn đề...”.

- A. cơ bản của Logic học
- B. nói về sự phù hợp của tư tưởng với thực tại
- C. nói về sự phù hợp của tư tưởng với tư tưởng
- D. cơ bản của mọi hoạt động nhận thức của con người

Câu 10. Nhiệm vụ của logic học là gì?

- A. Vạch ra các hình thức và quy luật của tư duy logic
- B. Vạch ra các hình thức và quy luật của tư duy biện chứng
- C. Vạch ra tính chân lý của tư tưởng
- D. Vạch ra các kết cấu của tư tưởng, các sơ đồ của lập luận, các quy tắc, phương pháp chi phối chúng...

Câu 11. Bổ sung từ còn thiếu để có một câu đúng: “Logic học (LG) được chia thành...”

- A. LG biện chứng, LG hình thức và LG toán
- B. LG lưỡng trị, LG đa trị và LG mờ
- C. LG cổ điển và LG phi cổ điển
- D. A, B, C đều đúng

Câu 12. Khi khảo sát một tư tưởng, logic hình thức chủ yếu làm gì?

- A. Chỉ để ý đến hình thức của tư tưởng.
- B. Chỉ để ý đến nội dung của tư tưởng.
- C. Vừa để ý đến nội dung, vừa để ý đến hình thức của tư tưởng.
- D. Tùy từng trường hợp mà để ý đến nội dung, hình thức hay để ý đến cả hai.

Câu 13. Quy luật đồng nhất phản ánh điều gì trong hiện thực?

- A. Sự đứng im tương đối, sự ổn định về chất của đối tượng được tư tưởng.
- B. Sự đồng nhất tư tưởng với đối tượng được tư tưởng.
- C. Tính bất biến của đối tượng được tư tưởng.
- D. Cả A, B và C.

Câu 14. Quy luật lý do đầy đủ phản ánh điều gì trong hiện thực?

- A. Tính chứng minh được của tư tưởng.
- B. Mối liên hệ phổ biến của sự vật, hiện tượng.
- C. Mối liên hệ nhân quả chi phối giữa các đối tượng được tư tưởng.
- D. Cơ sở dẫn tới sự đứng im tương đối, sự ổn định về chất của đối tượng được tư tưởng.

Câu 15. “Hai tư tưởng trái ngược nhau không cùng đúng” là phát biểu của quy luật (QL) nào?

- A. QL Loại trừ cái thứ ba.
- B. QL Phi mâu thuẫn.
- C. QL Đồng nhất.
- D. QL Lý do đầy đủ.

Câu 16. Mệnh đề “Hai tư tưởng (TT) không cùng đúng” tương đương logic với mệnh đề nào?

- A. Hai TT không thể cùng sai.
- B. Hai TT, trong đó, nếu TT này đúng thì TT còn lại sai.
- C. Hai TT, trong đó, nếu TT này sai thì TT còn lại đúng.
- D. Hai TT, trong đó, nếu TT này đúng thì TT kia sai, và nếu TT này sai thì TT kia đúng.

Câu 17. “Hai tư tưởng mâu thuẫn nhau không thể đồng thời cùng đúng, cùng sai” là phát biểu của quy luật nào?

- A. QL Phi mâu thuẫn.

B. QL Loại trừ cái thứ ba.

C. QL Đồng nhất.

D. QL Lý do đầy đủ.

Câu 18. Nếu a là một tư tưởng thì mệnh đề “Một tư tưởng không thể đồng thời có hai giá trị logic trái ngược nhau” được kí hiệu như thế nào?

A. $\sim(a \wedge \sim a)$.

B. $\sim(a \vee \sim a)$.

C. $a \vee \sim a$.

D. $\sim a \wedge a$.

Câu 19. Nếu a là một tư tưởng thì mệnh đề “Một tư tưởng chỉ có một giá trị logic xác định hoặc là đúng hoặc là sai chứ không có khả năng thứ ba” được ký hiệu như thế nào?

A. $\sim(a \wedge \sim a)$.

B. $\sim(a \vee \sim a)$.

C. $a \vee \sim a$.

D. $\sim a \wedge a$.

Câu 20. Quy luật phi mâu thuẫn còn được phát biểu như thế nào trong lịch sử logic học?

A. Một sự vật là chính nó.

B. Một sự vật không thể vừa là nó vừa không phải là nó.

C. Một sự vật có thể thế này nhưng cũng có thể thế khác.

D. Một sự vật hoặc có hoặc không có, chứ không thể có trường hợp thứ ba.

Câu 21. Quy luật loại trừ cái thứ ba còn được phát biểu như thế nào trong lịch sử Logic học?

- A. Một sự vật là chính nó.
- B. Một sự vật không thể vừa là nó vừa không phải là nó.
- C. Một sự vật có thể thế này nhưng cũng có thể thế khác.
- D. Một sự vật hoặc có hoặc không có, chứ không thể có trường hợp thứ ba.

Câu 22. Quy luật phi mâu thuẫn là cơ sở của thao tác logic nào?

- A. Phép bác bỏ gián tiếp.
- B. Phép bác bỏ trực tiếp.
- C. Phép chứng minh phản chứng.
- D. Phép chứng minh loại trừ.

Câu 23. Tư tưởng “Có thương thì nói là thương. Không thương thì nói một đường cho xong” bị chi phối bởi quy luật gì?

- A. QL phi mâu thuẫn.
- B. QL loại trừ cái thứ ba.
- C. QL đồng nhất.
- D. QL lý do đầy đủ.

Câu 24. Những quy luật nào làm cho tư duy mang tính hình thức?

- A. QL đồng nhất.
- B. QL phi mâu thuẫn và QL loại trừ cái thứ ba.
- C. QL đồng nhất, QL phi mâu thuẫn và QL loại trừ cái thứ ba.
- D. QL lý do đầy đủ, QL đồng nhất, QL phi mâu thuẫn và QL loại trừ cái thứ ba.

Câu 25. Quy luật đồng nhất đảm bảo cho tư duy có được tính chất gì?

- A. Tính không bị xuyên tạc hay đánh tráo mệnh đề.
- B. Không sa vào mâu thuẫn.

C. Sử dụng ngôn ngữ đầy hình tượng và chính xác.

D. Tính xác định chính xác, rõ ràng rành mạch.

Câu 26. Quy luật đồng nhất là quy luật cơ bản của môn học nào?

A. Siêu hình học và khoa học lý thuyết.

B. Logic học biện chứng và logic học hình thức.

C. Logic học hình thức.

D. Nhận thức luận và siêu hình học.

Câu 27. Trong logic học, thuật ngữ “đồng nhất trừu tượng” được hiểu như thế nào?

A. Sự bất biến của sự vật trong hiện thực.

B. Sự giống nhau hoàn toàn của tư tưởng về đối tượng với đối tượng tư tưởng.

C. Đồng nhất các phẩm chất xác định của đối tượng tư tưởng được phản ánh trong tư duy với bản thân đối tượng tư tưởng trong hiện thực.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 28. “Không được thay đổi đối tượng tư tưởng; tư tưởng lặp lại phải giống tư tưởng ban đầu; ngôn ngữ diễn đạt tư tưởng phải chính xác” là yêu cầu của quy luật nào?

A. QL lý do đầy đủ.

B. QL đồng nhất.

C. QL phi mâu thuẫn.

D. QL loại trừ cái thứ ba.

Câu 29. Cặp phán đoán ”Người VN yêu nước” và “Vài người VN không yêu nước” bị chi phối trực tiếp bởi quy luật nào?

A. QL phi mâu thuẫn.

B. QL loại trừ cái thứ ba.

- C. QL loại trừ cái thứ ba và QL đồng nhất.
- D. QL loại trừ cái thứ ba, QL đồng nhất và QL phi mâu thuẫn.

Câu 30. Cặp phán đoán “Người VN yêu nước” và “Người VN không yêu nước” bị chi phối trực tiếp bởi quy luật nào?

- A. QL phi mâu thuẫn.
- B. QL loại trừ cái thứ ba.
- C. QL loại trừ cái thứ ba và QL lý do đầy đủ.
- D. QL trừ cái thứ ba và QL phi mâu thuẫn

Câu 31. Cơ sở của phép chứng minh phản chứng là quy luật nào?

- A. QL phi mâu thuẫn.
- B. QL loại trừ cái thứ ba và QL đồng nhất.
- C. QL loại trừ cái thứ ba và QL lý do đầy đủ.
- D. QL loại trừ cái thứ ba và QL phi mâu thuẫn.

Câu 32. Quy luật loại trừ cái thứ ba và quy luật phi mâu thuẫn đảm bảo cho tư duy có được tính chất gì?

- A. Tính xác định chính xác, rõ ràng rành mạch.
- B. Tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh, chứng minh.
- C. Tính phi mâu thuẫn; tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh, chứng minh.
- D. Tính phi mâu thuẫn, liên tục, nhất quán.

Câu 33. Quy luật lý do đầy đủ đảm bảo cho tư duy có được tính chất gì?

- A. Tính xác định chính xác, tính rõ ràng rành mạch.
- B. Tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh.
- C. Tính phi mâu thuẫn; tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh.

D. Tính phi mâu thuẫn, liên tục, nhất quán; tính chính xác, rõ ràng.

Câu 34. Mâu thuẫn (MT) nào xuất hiện một cách chủ quan, thể hiện dưới dạng cặp phán đoán trái ngược nhau và làm bế tắc tiến trình tư duy?

A. MT biện chứng.

B. MT của nhận thức.

C. MT của tư duy.

D. *MT logic.*

Câu 35. Mâu thuẫn (MT) nào xuất hiện một cách khách quan, dưới dạng thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, có vai trò là nguồn gốc, động lực của mọi sự vận động, phát triển diễn ra trong thế giới?

A. MT xã hội.

B. MT tư duy.

C. *MT tự nhiên.*

D. Cả A, B và C.

Câu 36. Sử dụng từ ngữ một cách mập mờ, để sau đó có thể giải thích cùng một từ theo các cách khác nhau là vi phạm yêu cầu của quy luật (QL) nào?

A. *QL đồng nhất.*

B. *QL lý do đầy đủ.*

C. *QL không mâu thuẫn.*

D. Không hề vi phạm các QL cơ bản của tư duy, tuy nhiên vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm.

Câu 37. Hình thức tư duy phản ánh những dấu hiệu bản chất của đối tượng tư tưởng được gọi là gì?

A. Ý niệm.

B. *Khái niệm.*

C. Suy tưởng.

D. Phán đoán.

Câu 38. Logic học gọi toàn thể các dấu hiệu bản chất của đối tượng tư tưởng là gì?

A. Ngoại diên khái niệm.

B. Nội hàm khái niệm.

C. Bản chất của khái niệm.

D. Khái niệm.

Câu 39. Logic học gọi toàn thể các phần tử có cùng dấu hiệu bản chất hợp thành đối tượng tư tưởng là gì?

A. Khái niệm.

B. Nội hàm khái niệm.

C. Bản chất của khái niệm.

D. A, B và C đều sai.

Câu 40. Khái niệm bao gồm những bộ phận nào?

A. Từ và ý.

B. Âm (ký hiệu) và nghĩa.

C. Nội hàm và ngoại diên.

D. Tất cả các yếu tố của A, B và C.

Câu 41. Nội hàm (NH) và ngoại diên (ND) của khái niệm có quan hệ gì?

A. NH càng sâu thì ND càng rộng, NH càng cạn thì ND càng hẹp.

B. NH càng cạn thì ND càng rộng, NH càng sâu thì ND càng hẹp.

C. NH càng rộng thì ND càng sâu, NH càng hẹp thì ND càng sâu.

D. NH càng hẹp thì ND càng cạn, NH càng rộng thì ND càng sâu.

Câu 42. Cách phân chia khái niệm (KN) nào sau đây đúng?

- A. KN thực và KN ảo.
- B. KN chung và KN riêng.
- C. KN riêng, KN vô hạn và KN hữu hạn.
- D. A, B, C đều đúng.

Câu 43. Khái niệm thực phản ánh điều gì?

- A. Dấu hiệu bản chất của đối tượng tư tưởng (ĐTTT).
- B. Dấu hiệu chung của một lớp ĐTTT.
- C. Dấu hiệu bản chất của một lớp ĐTTT.
- D. A, B, C đều đúng.

Câu 44. Xét trong khái niệm “Con người”, thì “Đàn ông” và “Đàn bà” là 2 khái niệm có quan hệ gì?

- A. QH mâu thuẫn.
- B. QH đối chọi.
- C. QH giao nhau.
- D. QH đồng nhất.

Câu 45. “Con người” và “Sinh thể” là 2 khái niệm có quan hệ gì?

- A. QH giao nhau.
- B. QH mâu thuẫn.
- C. QH đồng nhất.
- D. QH lệ thuộc.

Câu 46. Xác định quan hệ (QH) giữa 2 khái niệm, trong đó, nội hàm của chúng có dấu hiệu trái ngược nhau, còn ngoại diên của chúng chỉ là hai bộ phận khác nhau của ngoại diên một khái niệm thứ ba nào đó?

- A. QH mâu thuẫn.
- B. QH đồng nhất.
- C. QH đối chọi.
- D. QH lệ thuộc.

Câu 47. Cặp khái niệm nào có quan hệ mâu thuẫn nhau?

- A. Đen - Trắng.
- B. Đàn ông - Đàn bà.
- C. Đỏ - Không đỏ.
- D. A, B và C đều đúng.

Câu 48. Bổ sung để có một định nghĩa đúng: “Mở rộng khái niệm (KN) là thao tác logic....”.

- A. đi từ KN hạng sang KN loại
- B. đi từ KN riêng sang KN chung
- C. đi từ KN có nội hàm (NH) sâu, ngoại diên (ND) hẹp sang KN có NH cạn, ND rộng
- D. đi từ KN có NH cạn, ND rộng sang KN có NH sâu, ND hẹp

Câu 49. Bổ sung để có một định nghĩa đúng: “Thu hẹp khái niệm (KN) là thao tác logic ...”.

- A. Đi từ KN loại sang KN hạng.
- B. Đi từ KN chung sang KN riêng.
- C. Đi từ KN có nội hàm (NH) sâu, ngoại diên (ND) hẹp sang KN có NH cạn, ND rộng.
- D. Đi từ KN có NH cạn ND rộng sang KN có NH sâu ND hẹp.

Câu 50. Mở rộng khái niệm (KN) có giới hạn cuối cùng là gì?

- A. KN đơn nhất.

- B. Phạm trù.
- C. KN vô hạn.
- D. KN chung.

Câu 51. Thu hẹp khái niệm (KN) có giới hạn cuối cùng là gì?

- A. KN ảo.
- B. Phạm trù.
- C. KN cụ thể.
- D. A, B và C đều sai.

Câu 52. Thao tác logic làm rõ nội hàm của khái niệm (KN) được gọi là gì?

- A. Mở rộng và thu hẹp KN.
- B. Phân chia KN.
- C. Định nghĩa KN.
- D. Phân chia và định nghĩa KN.

Câu 53. Muốn định nghĩa khái niệm (KN) đúng, thì KN định nghĩa và KN dùng để định nghĩa phải có quan hệ gì?

- A. QH giao nhau.
- B. QH lệ thuộc.
- C. QH đồng nhất.
- D. QH đồng nhất và lệ thuộc.

Câu 54. Định nghĩa khái niệm đúng khi nào?

- A. Cân đối, rõ ràng, liên tục, nhất quán.
- B. Cân đối, chính xác, rõ ràng.
- C. Không thừa, không thiếu, không luẩn quẩn, liên tục, nhất quán.

D. Không thừa, không thiếu, không luẩn quẩn, rõ ràng, nhất quán.

Câu 55. Định nghĩa khái niệm cân đối khi nào?

A. Không luẩn quẩn, không mơ hồ, không phủ định.

B. Không rộng, không hẹp, không mơ hồ.

C. Không rộng, không hẹp.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 56. Định nghĩa khái niệm rõ ràng khi nào?

A. Không luẩn quẩn, không phủ định, không mơ hồ.

B. Không rộng, không hẹp, không mơ hồ.

C. Không rộng, không hẹp.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 57. Có thể định nghĩa "Con người là thước đo của vạn vật" được không?

A. Được, vì đề cao con người.

B. Không được, vì ý tưởng hay nhưng không chuẩn xác.

C. Không, vì không xác định rõ nội hàm khái niệm "con người".

D. Không, vì không thể coi con người là thước đo của vạn vật được.

Câu 58. Phân chia khái niệm (KN) là thao tác gì?

A. Liệt kê các KN lệ thuộc trong KN được lệ thuộc.

B. Vạch ra các KN cấp hạng trong KN cấp loại được phân chia.

C. Làm rõ ngoại diên KN được phân chia.

D. Làm rõ nội hàm KN được phân chia.

Câu 59. Phân chia khái niệm cân đối khi nào?

A. Nhất quán, không vượt cấp.

B. Không vượt cấp, các khái niệm thành phần loại trừ nhau.

C. Không thừa, không thiếu.

D. Không thừa, không thiếu, không vượt cấp, các khái niệm thành phần loại trừ nhau.

Câu 60. Phân chia khái niệm đúng khi nào?

A. Cân đối và nhất quán.

B. Cân đối, ngắn gọn, rõ ràng.

C. Không thừa, không thiếu, nhất quán, liên tục.

D. Cân đối, nhất quán, các thành phần phân chia loại trừ nhau và liên tục.

Câu 61. Bổ sung để được một định nghĩa đúng: “Phân đôi khái niệm (KN) là phân chia KN ra thành 2 KN có quan hệ ... nhau”.

A. tương phản

B. tương đương

C. mâu thuẫn

D. Cả A và C

Câu 62. Chia “Thành phố” ra thành “Quận/Huyện”, “Phường/Xã”, ... là thao tác gì?

A. Phân đôi.

B. Phân loại.

C. Phân tích.

D. A, B, C đều sai.

Câu 63. Phân chia khái niệm (KN) theo sự biến đổi dấu hiệu là gì?

A. Thao tác vạch ra ngoại diên của KN được phân chia.

B. Thao tác chia KN cấp loại ra thành các KN cấp hạng của nó.

C. Thao tác chia chính thể ra thành các bộ phận của nó.

D. A, B và C đều đúng.

Câu 64. “X là một số nguyên tố” là gì?

A. Một mệnh đề.

B. Một câu.

C. Một phán đoán.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 65. “Có lẽ hôm nay sinh viên lớp ta đang thi môn Logic học” là phán đoán gì?

A. PĐ đặc tính.

B. PĐ thời gian.

C. PĐ tình thái.

D. Cả A, B và C.

Câu 66. “Hầu hết sinh viên lớp ta đều dự thi môn Logic học” là phán đoán gì?

A. PĐ bộ phận.

B. PĐ toàn thể.

C. PĐ toàn thể - khẳng định.

D. PĐ tình thái - khẳng định.

Câu 67. Hãy xác định chủ từ (S) và vị từ (P) của phán đoán: “Tôi biết rằng anh ta rất tốt”.

A. S = Tôi ; P = biết rằng anh ta rất tốt.

B. S = Tôi ; P = anh ta rất tốt.

C. S = Tôi biết rằng ; P = anh ta tốt.

D. S = Tôi ; P = anh ta.

Câu 68. “Đôi khi chuồn chuồn bay thấp mà trời không mưa” là phán đoán dạng nào?

- A. A
- B. I
- C. E
- D. O

Câu 69. “Hầu hết người Việt Nam đều là người yêu nước” và “Không có chuyện mọi người Việt Nam đều là người yêu nước” là hai phán đoán có quan hệ gì?

- A. QH mâu thuẫn.
- B. QH lệ thuộc.
- C. QH tương phản trên.
- D. QH tương phản dưới.

Câu 70. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán “Sinh viên lớp ta học giỏi môn logic học”.

- A. S+ ; P+
- B. S+ ; P-
- C. S- ; P+
- D. S- ; P-

Câu 71. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán “Người cộng sản không là kẻ bóc lột”.

- A. S+ ; P+
- B. S+ ; P-
- C. S- ; P+
- D. S- ; P-

Câu 72. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán “Hầu hết người Việt Nam đều là người yêu nước”.

- A. S+ ; P+
- B. S+ ; P-
- C. S- ; P+
- D. S- ; P-

Câu 73. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán “Tam giác là hình có 3 cạnh”.

- A. S+ ; P+
- B. S+ ; P-
- C. S- ; P+
- D. S- ; P-

Câu 74. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán “Vài người tốt nghiệp trung học là sinh viên”.

- A. S+ ; P+
- B. S+ ; P-
- C. S- ; P+
- D. S- ; P-

Câu 75. Dựa theo hình vuông logic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ lệ thuộc?

- A. $A \rightarrow I ; \sim I \rightarrow A$.
- B. $A \rightarrow I ; I \rightarrow \sim A$.
- C. $O \rightarrow \sim E ; E \rightarrow O$.
- D. $\sim I \rightarrow \sim A ; E \rightarrow O$.

Câu 76. Dựa theo hình vuông logic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ lệ thuộc?

- A. $A \rightarrow I ; I \rightarrow A$.

B. $A \rightarrow I; I \rightarrow A?$

C. $O \rightarrow \sim E; E \rightarrow O.$

D. $\sim I \rightarrow \sim A; E \rightarrow O?$

Câu 77. Dựa theo hình vuông logic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ mâu thuẫn?

A. $A \leftrightarrow O; \sim I \leftrightarrow \sim E.$

B. $A \leftrightarrow \sim O; O \leftrightarrow \sim A.$

C. $A \leftrightarrow \sim E; E \leftrightarrow \sim A.$

D. $\sim I \leftrightarrow E?; \sim O \leftrightarrow A?.$

Câu 78. Dựa theo hình vuông logic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản trên?

A. $A \rightarrow E; \sim E \rightarrow \sim A.$

B. $A \leftrightarrow \sim E; E \leftrightarrow \sim A.$

C. $A \rightarrow \sim E; \sim E \rightarrow A?.$

D. $\sim A \rightarrow E; \sim E \rightarrow A?.$

Câu 79. Dựa theo hình vuông logic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản dưới?

A. $O \rightarrow I; \sim I \rightarrow \sim O.$

B. $I \leftrightarrow \sim O; O \leftrightarrow \sim I.$

C. $I \rightarrow O?; \sim I \rightarrow O?.$

D. $\sim I \rightarrow O; O \rightarrow I?.$

Câu 80. Dựa theo hình vuông logic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ mâu thuẫn?

A. $A \rightarrow O; \sim I \rightarrow \sim E.$

B. $A \leftrightarrow \sim O; O \rightarrow \sim A.$

C. $A \rightarrow \sim E; O \leftrightarrow \sim A.$

D. $\sim I \leftrightarrow E?; \sim O \leftrightarrow A?.$

Câu 81. Dựa theo hình vuông lôgic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản trên?

- A. $A \rightarrow E ; \sim E \rightarrow A$.
- B. $A \leftrightarrow \sim E ; E \leftrightarrow \sim A$.
- C. $A \rightarrow E ; \sim E \rightarrow A?$.
- D. $\sim A \rightarrow E? ; \sim E \rightarrow A?$.

Câu 82. Dựa theo hình vuông logic, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản dưới?

- A. $O \rightarrow I? ; \sim I \rightarrow O$.
- B. $I \leftrightarrow \sim O ; O \leftrightarrow \sim I$.
- C. $I \rightarrow O? ; \sim I \rightarrow \sim O$.
- D. $\sim I \rightarrow O? ; O \rightarrow I?$.

Câu 83. Xét về cấu trúc của khái niệm, mệnh đề nào sau đây sai?

- A. Đồng nhất về nội hàm thì cũng đồng nhất về ngoại diên.
- B. Đồng nhất về ngoại diên thì cũng đồng nhất về nội hàm.
- C. Một khái niệm có thể có nhiều nội hàm khác nhau.
- D. Khái niệm bao gồm nội hàm và ngoại diên, còn từ bao gồm ký (tín) hiệu và nghĩa.

Câu 84. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. Điều kiện cần và đủ để PĐLK sai là các PĐTP cùng sai.
- B. Muốn PĐLK đúng chỉ cần một PĐTP đúng là đủ.
- C. PĐLK sai khi và chỉ khi các PĐTP cùng sai.
- D. Phán đoán liên kết (PĐLK) đúng khi các phán đoán thành phần (PĐTP) đều cùng đúng.

Câu 85. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. Điều kiện cần và đủ để PĐLCLH sai là các PĐTP cùng sai.
- B. PĐLCLH đúng khi và chỉ khi có một PĐTP đúng.

C. PĐLCLH sai khi và chỉ khi các PĐTP cùng đúng.

D. Phán đoán lựa chọn liên hợp (PĐLCLH) đúng khi các phán đoán thành phần (PĐTP) cùng đúng.

Câu 86. Mệnh đề nào sau đây đúng?

A. Điều kiện cần và đủ để PĐLCGB sai là các PĐTP cùng sai.

B. PĐLCGB đúng khi và chỉ khi có một PĐTP đúng.

C. PĐLCGB sai khi và chỉ khi các PĐTP cùng sai.

D. Phán đoán lựa chọn gạt bỏ (PĐLCGB) đúng khi các phán đoán thành phần (PĐTP) cùng đúng.

Câu 87. Mệnh đề nào sau đây đúng?

A. Phán đoán kéo theo (PĐKT) sai khi và chỉ khi hậu từ sai.

B. PĐKT sai khi tiền từ đúng và hậu từ sai.

C. Muốn PĐKT đúng thì tiền từ phải đúng và hậu từ phải sai.

D. PĐKT đúng khi và chỉ khi tiền từ và hậu từ có cùng giá trị logic.

Câu 88. “Lý luận và thực hành phải đi đôi với nhau” là phán đoán gì?

A. PĐ liên kết.

B. PĐ lựa chọn.

C. PĐ kéo theo.

D. A, B và C đều sai.

Câu 89. Hai đường thẳng đồng phẳng song song với nhau thì chúng không cắt nhau” là phán đoán gì?

A. PĐ liên kết.

B. PĐ kéo theo.

C. PĐ kéo theo kép.

D. PD lựa chọn gạt bỏ.

Câu 90. Nếu phán đoán $P \rightarrow Q$ đúng thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng?

A. P là điều kiện cần của Q.

B. Q là điều kiện đủ của P.

C. P là điều kiện cần và đủ của Q.

D. P là điều kiện đủ của Q

Câu 91. Nếu phán đoán $\sim P \rightarrow \sim Q$ đúng thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng?

A. P là điều kiện cần của Q.

B. Q là điều kiện cần của P.

C. P là điều kiện cần và đủ của Q.

D. P là điều kiện đủ của Q.

Câu 92. Nếu phán đoán $P \leftrightarrow Q$ đúng thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng?

A. P, Q là điều kiện cần và đủ của nhau.

B. P là điều kiện đủ của Q.

C. P là điều kiện cần của Q.

D. Q là điều kiện cần của P.

Câu 93. Tìm phán đoán tương đương logic với: $\sim a \rightarrow b$.

A. $\sim b \rightarrow \sim a$.

B. $a \rightarrow \sim b$.

C. $\sim a \rightarrow \sim b$.

D. $\sim b \rightarrow a$.

Câu 94. Tìm phán đoán tương đương logic với: $a \rightarrow \sim b$.

A. $\sim[a \wedge b]$.

- B. $\sim a \wedge \sim b$.
- C. $\sim[\sim a \wedge \sim b]$.
- D. $a \vee b$.

Câu 95. Tìm phán đoán nào tương đương logic với: $\sim a \rightarrow b$.

- A. $\sim a \vee b$.
- B. $\sim a \wedge b$.
- C. $a \wedge b$.
- D. $a \vee b$.

Câu 96. Loại suy luận hợp logic nào đảm bảo chắc chắn kết luận xác thực nếu có các tiền đề xác thực?

- A. Suy luận diễn dịch.
- B. Suy luận quy nạp.
- C. Suy luận tương tự.
- D. Cả A, B và C.

Câu 97. Từ phán đoán “Một số sinh viên học giỏi logic học”, bằng phép đổi chất kết luận được rút ra là gì?

- A. Số sinh viên còn lại học không giỏi logic học.
- B. Một số người học giỏi logic học là sinh viên.
- C. Không phải mọi sinh viên đều không phải là người không học giỏi logic.
- D. Không thực hiện phép đổi chất được.

Câu 98. Thao tác logic đi từ một hay vài tiền đề có quan hệ logic với nhau để rút ra một kết luận được gọi là gì?

- A. Diễn dịch trực tiếp.
- B. Quy nạp hoàn toàn.

C. Suy luận.

D. Suy luận gián tiếp.

Câu 99. Thao tác logic đi từ 1 tiền đề để rút ra 1 kết luận được gọi là gì?

A. Diễn dịch trực tiếp.

B. Suy luận gián tiếp.

C. Quy nạp khoa học.

D. A, B, C đều sai.

Câu 100. Thao tác logic đi từ 2 tiền đề có quan hệ logic với nhau để rút ra một phán đoán mới làm kết luận được gọi là gì?

A. Diễn dịch trực tiếp.

B. Quy nạp hoàn toàn.

C. Suy luận gián tiếp.

D. A, B, C đều sai.

Câu 101. Các yếu tố logic của suy luận là gì?

A. Đại tiền đề, tiểu tiền đề và kết luận.

B. Tiền từ, hậu từ và liên từ logic.

C. Chủ từ, vị từ, hệ từ và lượng từ.

D. Tiền đề, kết luận và cơ sở logic.

Câu 102. Thế nào là suy luận hợp logic?

A. SL tuân thủ mọi quy tắc logic hình thức.

B. SL từ tiền đề đúng và tuân thủ mọi quy tắc logic.

C. SL luôn đưa đến kết luận xác thực.

D. SL có lý nhưng luôn đưa đến kết luận sai lầm.

Câu 103. Thế nào là suy luận đúng?

- A. Suy luận hợp logic.
- B. Suy luận đưa đến kết luận đúng.
- C. *Suy luận hợp logic và xuất phát từ mọi tiền đề đều xác thực.*
- D. A, B, C đều đúng.

Câu 104. Thao tác logic đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên cùng chất, nhưng có vị từ và chủ từ đổi chỗ cho nhau được gọi là gì?

- A. Diễn dịch trực tiếp.
- B. Phép đổi chất.
- C. *Phép đổi chỗ.*
- D. Suy luận theo hình vuông logic.

Câu 105. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là A thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A
- B. I
- C. E
- D. *A hay I*

Câu 106. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là I thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A
- B. I hay A
- C. E
- D. I

Câu 107. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là E thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A
- B. I
- C. E hay O
- D. A hay I

Câu 108. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là O thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I
- B. I
- C. E hay O
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 109. Thao tác logic đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên cùng lượng cùng chủ từ, nhưng khác chất và có vị từ là khái niệm mâu thuẫn với khái niệm đóng vai trò vị từ của tiền đề được gọi là gì?

- A. Diễn dịch trực tiếp.
- B. Phép đổi chất.
- C. Phép đổi chỗ.
- D. Suy luận theo hình vuông logic.

Câu 110. Nếu tiền đề là A, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

- A. A
- B. I
- C. E hay O
- D. A hay I

Câu 111. Nếu tiền đề là I, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

- A. A

B. O

C. E

D. E hay I

Câu 112. Nếu tiền đề là E, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

A. A

B. I

C. A hay I

Câu 113. Nếu tiền đề là O, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

A. A

B. I

C. E

D. A hay I

Câu 114. Thao tác logic đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên, khác chất, có chủ từ là khái niệm mâu thuẫn với khái niệm đóng vai trò vị từ của tiền đề và vị từ là khái niệm đóng vai trò chủ từ của tiền đề được gọi là gì?

A. Diễn dịch trực tiếp.

B. Phép đổi chất.

C. Phép đổi chỗ.

D. Phép đổi chất và đổi chỗ.

Câu 115. Nếu tiền đề là A, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A

B. I

C. E hay O

D. A hay I

Câu 116. Nếu tiền đề là I, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A

B. O

C. E

D. A, B, C đều sai.

Câu 117. Nếu tiền đề là E, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A

B. I

C. E

D. A hay I

Câu 118. Nếu tiền đề là O, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A

B. I

C. E

D. Không thực hiện được

Câu 119. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $A \rightarrow \sim E$; $E \rightarrow \sim A$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 120. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $\sim O \rightarrow I$; $\sim I \rightarrow O$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 121. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $A \leftrightarrow \sim O$; $E \leftrightarrow \sim I$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 122. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $A \rightarrow I$; $\sim O \rightarrow \sim E$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 123. Từ tiền đề "Có những sinh viên nghiên cứu khoa học rất giỏi", bằng phép đổi chỗ, kết luận hợp logic được rút ra là gì?

A. Có những sinh viên không biết nghiên cứu khoa học.

B. Có những sinh viên nghiên cứu khoa học rất dở.

C. Không phải tất cả sinh viên đều nghiên cứu khoa học dở.

D. Có những người nghiên cứu khoa học rất giỏi là sinh viên.

Câu 124. Từ tiền đề “Có loài côn trùng không có hại”, bằng phép đổi chỗ, kết luận hợp logic được rút ra là gì?

- A. Một số loài không có hại là côn trùng.
- B. Những loài côn trùng khác có hại.
- C. Không phải tất cả các loài côn trùng đều có hại.
- D. Không thực hiện được.

Câu 125. Phán đoán nào tương đương với phán đoán “Nếu ông ấy không tham ô thì ông ấy không bị cách chức và cũng không bị truy tố”?

- A. Nếu ông ấy bị truy tố hay bị cách chức thì ông ấy đã tham ô.
- B. Nếu ông ấy tham ô thì ông ấy bị cách chức và bị truy tố.
- C. Nếu ông ấy tham ô thì ông ấy bị cách chức hay bị truy tố.
- D. Vẫn có chuyện ông ấy tham ô mà không bị cách chức.

Câu 126. Điều kiện đủ để xây dựng được một suy luận diễn dịch trực tiếp hợp logic là gì?

- A. Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có chủ từ và vị từ giống nhau.
- B. Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có quan hệ đồng nhất nhau.
- C. Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có các thành phần giống nhau.
- D. Kết luận phải là PĐ lệ thuộc vào PĐ tiền đề.

Câu 127. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \rightarrow \sim b] \Rightarrow [\sim b \rightarrow a]$.
- B. $[\sim a \rightarrow b] \Rightarrow [\sim b \rightarrow \sim a]$.
- C. $[\sim b \rightarrow a] \Rightarrow [\sim a \rightarrow b]$.
- D. $[a \rightarrow b] \Rightarrow [\sim b \rightarrow a]$.

Câu 128. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \rightarrow \sim b] \Rightarrow [\sim a \wedge \sim b]$.
- B. $[\sim a \rightarrow b] \Rightarrow [b \rightarrow a]$.
- C. $[\sim a \rightarrow b] \Rightarrow [\sim a \rightarrow \sim b]$.
- D. $[a \rightarrow \sim b] \Rightarrow \sim\{a \wedge b\}$.

Câu 129. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \rightarrow \sim b] \Rightarrow [\sim b \rightarrow a]$.
- B. $[\sim a \rightarrow b] \Rightarrow [b \rightarrow a]$.
- C. $[a \rightarrow b] \Rightarrow [\sim a \rightarrow \sim b]$.
- D. $[a \rightarrow b] \Rightarrow [\sim a \vee b]$.

Câu 130. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \vee \sim b] \Rightarrow [\sim b \wedge a]$.
- B. $[\sim a \vee b] \Rightarrow \sim[\sim b \wedge a]$.
- C. $[a \vee b] \Rightarrow [\sim a \wedge \sim b]$.
- D. $[a \vee b] \Rightarrow [\sim a \wedge \sim b]$.

Câu 131. Trong suy luận diễn dịch hợp logic, nếu khái niệm được chu diên ở tiền đề thì ở kết luận nó có chu diên không?

- A. Chu diên.
- B. Không chu diên.
- C. Có thể chu diên nhưng cũng có thể không chu diên.
- D. A, B, C đều sai.

Câu 132. Trong tam đoạn luận đơn hợp logic, trung từ phải thế nào?

- A. Có mặt trong cả 2 tiền đề.

- B. Chu diên ít nhất 1 lần.
- C. Không xuất hiện ở kết luận.
- D. A, B, C đều đúng.

Câu 133. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là E hay O thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.
- B. E hay O.
- C. A hay E.
- D. A, B, C đều sai.

Câu 134. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là A hay I thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.
- B. E hay O.
- C. A hay E.
- D. I hay O.

Câu 135. Trong tam đoạn luận đơn, nếu có 1 tiền đề là I hay O thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.
- B. E hay O.
- C. A hay E.
- D. O hay I.

Câu 136. Trong tam đoạn luận đơn, nếu có 1 tiền đề là E hay O thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.

B. E hay O.

C. A hay E.

D. O hay I.

Câu 137. Trong tam đoạn luận đơn, nếu 2 tiền đề là I hay O thì kết luận hợp logic là gì?

A. A hay I.

B. E hay O.

C. A hay E.

D. Không kết luận được.

Câu 138. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là A hay E thì kết luận hợp logic là gì?

A. A hay I.

B. E hay O.

C. A hay E.

D. A, E, I hay O.

Câu 139. Trong tam đoạn luận đơn, những cặp tiền đề nào không vi phạm quy tắc chung?

A. AA, AE, AI, AO, EA, EO, IA, IE, OA.

B. AA, AE, AI, AO, EA, IA, IE, OA, II.

C. AA, AE, AI, AO, EA, EI, IA, IE, OA.

D. AA, EE, AE, AI, AO, EA, IA, IE, OA.

Câu 140. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 1 là gì?

A. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I

B. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.

C. Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.

D. Đại tiền đề là A hay E; có tiền đề là O hay E.

Câu 141. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 2 là gì?

A. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.

B. Đại tiền đề là A hay E; có tiền đề là O hay E.

C. Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.

D. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.

Câu 142. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 3 là gì?

A. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.

B. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.

C. Tiểu tiền đề là A hay I; kết luận là O hay I.

D. Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.

Câu 143. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 1.

A. EAE, AEE, EIO, AOO.

B. AAI, AEE, IAI, EAO.

C. AAA, EAE, AII, EIO.

D. AAA, EAE, AEE, EIO.

Câu 144. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 2.

A. EAE, AEE, EIO, AOO.

B. AAI, AEE, IAI, EAO.

C. AAA, EAE, AII, EIO.

D. AAA, EAE, AEE, EIO.

Câu 145. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 3.

- A. EAE, AEE, EIO, AOO.
- B. AAI, AII, EAO, EIO, AOO, OAO.
- C. AAA, EAE, AII, EIO.
- D. AAI, AII, EAO, IAI, OAO, EIO.

Câu 146. “Đàn ông thống trị thế giới; đàn bà thống trị đàn ông; vì vậy, đàn bà thống trị thế giới” là suy luận gì?

- A. Tam đoạn luận hình 1, kiểu AAA.
- B. Tam đoạn luận kéo theo, hình thức khẳng định.
- C. Tam đoạn luận hình 1, kiểu III.
- D. A, B, C đều sai.

Câu 147. “Ăn mặn thì khát nước; Khát nước thì uống nhiều nước; Uống nhiều nước thì đã khát; Vậy, ăn mặn thì đã khát”. Đây là suy luận gì? Có hợp logic không?

- A. Suy luận bắc cầu, không hợp logic.
- B. Suy luận đa đề, không hợp logic.
- C. Tam đoạn luận phức, kiểu kéo theo thuần túy, dạng tính lược, hợp logic.
- D. Tam đoạn luận phức, kiểu kéo theo thuần túy, dạng tính lược, không hợp logic.

Câu 148. “Một số loài thú sống dưới nước; Cá voi sống dưới nước; Vậy, cá voi là loài thú”. Tam đoạn luận đơn này đúng hay sai, vì sao?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- B. Đúng, vì các tiền đề và kết luận đều đúng.
- C. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
- D. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 149. Kiểu EIO đúng hay sai, tại sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong cả hai tiền đề?

- A. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
- B. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- C. *Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận đơn.*
- D. Sai, vì tiểu từ không chu diên trong tiền đề, nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 150. Kiểu AIO đúng hay sai, tại sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong đại tiền đề và là vị từ trong tiểu tiền đề?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- B. Sai, vì đại từ không chu diên ở tiền đề nhưng lại chu diên ở kết luận.
- C. Sai, vì cả 2 tiền đề đều là phán đoán khẳng định mà kết luận là phán đoán phủ định.
- D. *B và C đều đúng*

Câu 151. Kiểu EIO đúng hay sai, vì sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong tiểu tiền đề và là vị từ trong đại tiền đề?

- A. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
- B. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- C. *Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận đơn.*
- D. Sai, vì tiểu từ không chu diên trong tiền đề, nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 152. Kiểu AOI đúng hay sai tại sao; Biết rằng tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong tiểu tiền đề và là vị từ trong đại tiền đề?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- B. *Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận.*
- C. *Sai, vì tiểu từ chu diên trong tiền đề, nhưng không chu diên trong kết luận.*
- D. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.

Câu 153. “Chào mào thích ăn hạt kê; bởi vì chào mào là một loài chim; mà mọi loài chim đều thích ăn hạt kê”. Tam đoạn luận này đúng hay sai, tại sao?

- A. Đúng, vì các tiền đề và kết luận đều đúng.
- B. Đúng, vì tuân thủ tất cả các quy tắc của tam đoạn luận đơn.
- C. Sai, vì không phải loài chim nào cũng thích ăn hạt kê.
- D. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán khẳng định.

Câu 154. “Đa số hạt cơ bản được tạo thành từ ba hạt quark; Proton là hạt cơ bản; Vậy, Proton được tạo thành từ ba hạt quark”. Tam đoạn luận đơn này đúng hay sai, tại sao?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- B. Đúng, vì tuân thủ tất cả các quy tắc của tam đoạn luận đơn.
- C. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
- D. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 155. Kiểu tam đoạn luận đơn AAI, thuộc hình 2 đúng hay sai, vì sao?

- A. Sai, tiểu từ và đại từ chu diên trong tiền đề mà không chu diên trong kết luận.
- B. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- C. Sai, hai tiền đề là toàn thể mà kết luận lại là phán đoán bộ phận.
- D. Đúng, vì thoả mãn tất cả các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn.

Câu 156. Kiểu tam đoạn luận đơn OAO, thuộc hình 4 đúng hay sai, vì sao?

- A. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề mà chu diên trong kết luận.
- B. Đúng, vì thoả mãn tất cả các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn.
- C. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- D. Sai, tiểu từ không chu diên trong tiền đề mà chu diên trong kết luận.

Câu 157. Khi nào hai phán đoán có quan hệ mâu thuẫn với nhau?

- A. Khi chúng không cùng đúng cùng sai.

- B. Khi chúng có cùng thuật ngữ, không cùng đúng cùng sai.
- C. Khi chúng không cùng đúng nhưng có thể cùng sai.
- D. Khi chúng có cùng thuật ngữ hay phán đoán thành phần, không cùng đúng cùng sai.

Câu 158. Điều kiện cần và đủ để hai phán đoán đơn có quan hệ mâu thuẫn nhau là gì?

- A. Khác nhau về chất.
- B. Khác nhau về lượng.
- C. *Khác nhau cả về chất lẫn về lượng.*
- D. Khác nhau cả về chất, lượng lẫn chủ từ, vị từ.

Câu 159. Mâu thuẫn lôgic xuất hiện trong tư duy là do sự kết hợp hai tư tưởng có quan hệ gì lại với nhau?

- A. *Trái ngược (tương phản).*
- B. Mâu thuẫn (tương khác).
- C. Lệ thuộc (bao hàm).
- D. Đồng nhất (tương đương).

Câu 160. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp logic: $M+ a P- ; S+ a P-?$

- A. $M+ i S-$
- B. $M- o S+$
- C. $S+ a M-$
- D. $S- i M-$

Câu 161. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp lôgic: $M+ a P- ; M+ a S-?$

- A. $S+ e P+$

B. S- o P+

C. S+ a P-

D. S- i P-

Câu 162. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp lôgích: P+ a M- ; S+ e M+?

A. S+ e P+

B. S- o P+

C. S+ a P-

D. S- i P-

Câu 163. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp lôgích: P+ a M- ; S- i P-?

A. M+ a S-

B. S- i M-

C. S+ a M-

Câu 164. Suy luận: “Sinh viên kinh tế nào tốt nghiệp loại giỏi cũng dễ kiếm việc làm. Có một số sinh viên kinh tế không tốt nghiệp loại giỏi. Như vậy có một số sinh viên kinh tế không dễ tìm việc làm” có phải là tam đoạn luận đơn (nhất quyết) không, nếu phải thì nó đúng hay sai, tại sao?

A. Không phải là tam đoạn luận đơn (nhất quyết)

B. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận

C. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề, mà chu diên trong kết luận

D. Đúng, vì tuân thủ các quy tắc của tam đoạn luận đơn

Câu 165. Có bao nhiêu mệnh đề có quan hệ mâu thuẫn với 1 mệnh đề cho trước?

A. Một mệnh đề.

- B. Hai mệnh đề.
- C. Rất nhiều nhưng không vô số mệnh đề.
- D. Vô số mệnh đề.

Câu 166. Có bao nhiêu mệnh đề có quan hệ tương phản với 1 mệnh đề cho trước?

- A. Một mệnh đề.
- B. Hai mệnh đề.
- C. Nhiều mệnh đề.
- D. Vô số mệnh đề.

Câu 167. Sơ đồ suy luận nào đúng?

- A. $[(a \vee b) \wedge a] \Rightarrow \sim b$.
- B. $[(a \vee b) \wedge a] \Rightarrow b$.
- C. $[(a \vee b) \wedge \sim a] \Rightarrow \sim b$.
- D. $[(a \vee b) \wedge \sim a] \Rightarrow a$.

Câu 168. Sơ đồ suy luận nào sai?

- A. $[(a \vee b) \wedge \sim a] \Rightarrow b$.
- B. $[(a \vee b) \wedge \sim a] \Rightarrow b$.
- C. $[(a \vee b) \wedge a] \Rightarrow \sim b$.
- D. $[(a \vee b) \wedge \sim b] \Rightarrow a$.

Câu 169. Sơ đồ suy luận nào sai?

- A. $[(a \rightarrow b) \wedge \sim b] \Rightarrow \sim a$.
- B. $[(a \rightarrow \sim b) \wedge a] \Rightarrow \sim b$.
- C. $[(\sim a \rightarrow b) \wedge \sim b] \Rightarrow a$.
- D. $[(\sim a \rightarrow \sim b) \wedge b] \Rightarrow \sim a$.

Câu 170. Sơ đồ suy luận nào đúng?

A. $[(a \rightarrow b) \wedge \sim a] \Rightarrow \sim b.$

B. $[(a \rightarrow b) \wedge b] \Rightarrow a.$

C. $[(a \rightarrow b) \wedge \sim b] \Rightarrow \sim a.$

D. A, B, C đều đúng.

Câu 171. “Khi đột nhập vào nhà nạn nhân, bị cáo tuyên bố với nạn nhân rằng, bị cáo sẽ giết nạn nhân nếu nạn nhân không đưa tiền cho bị cáo. Điều này được bị cáo xác nhận là có. Bên cạnh đó cơ quan điều tra cũng đã có kết luận rằng, ngay sau lời tuyên bố của bị cáo, nạn nhân đã đưa tiền cho bị cáo. Vậy suy ra rằng, bị cáo đã không giết nạn nhân”. Suy luận này đúng hay sai; viết sơ đồ suy luận?

A. Sai; $[(\sim p \rightarrow r) \wedge p] \rightarrow \sim r.$

B. Đúng; $[(\sim p \rightarrow r) \wedge p] \rightarrow \sim r.$

C. Đúng; $[(p \rightarrow \sim r) \wedge p] \rightarrow \sim r.$

D. Sai; $[(p \rightarrow \sim r) \wedge p] \rightarrow \sim r.$

Câu 172. Cho suy luận: “Nếu Q uống quá nhiều rượu thì anh ấy say xỉn. Q không say xỉn. Vậy có nghĩa là anh ấy không uống, hoặc chỉ uống ít rượu”. Suy luận này đúng hay sai; viết sơ đồ suy luận?

A. Đúng; $((p \rightarrow q) \wedge p) \rightarrow q.$

B. Đúng; $((p \rightarrow q) \wedge \sim p) \rightarrow \sim q.$

C. Đúng; $((p \rightarrow q) \wedge \sim q) \rightarrow \sim p.$

D. Sai; $((p \rightarrow q) \wedge \sim q) \rightarrow (r \vee s).$

Câu 173. “Nếu trời mưa mà ta không mặc áo mưa thì đi đường sẽ bị ướt; Vì vậy, nếu trời không mưa hoặc ta có mặc áo mưa thì đi đường sẽ không bị ướt”. Suy luận này đúng hay sai; viết sơ đồ suy luận?

A. Đúng; $[(p \wedge q) \rightarrow r] \rightarrow [(\sim p \vee \sim q) \rightarrow \sim r].$

B. Sai; $[(p \wedge q) \rightarrow r] \rightarrow [(\sim p \vee \sim q) \rightarrow \sim r]$.

C. Đúng; $[(p \wedge \sim q) \rightarrow r] \rightarrow [(\sim p \vee q) \rightarrow \sim r]$.

D. Sai; $[(p \wedge q) \rightarrow r] \rightarrow [\sim(p \wedge q) \rightarrow r]$.

Câu 174. Sơ đồ suy luận nào đúng?

A. $\{[(a \rightarrow b) \wedge (c \rightarrow d)] \wedge (b \vee d)\} \Rightarrow (a \vee c)$.

B. $\{[(a \rightarrow \sim b) \wedge (c \rightarrow \sim d)] \wedge (b \vee d)\} \Rightarrow \sim(a \wedge c)$.

C. $\{[(a \rightarrow b) \wedge (c \rightarrow d)] \wedge (\sim b \vee \sim d)\} \Rightarrow (a \vee c)$.

D. $\{[(a \rightarrow b) \wedge (c \rightarrow d)] \wedge (\sim b \vee \sim d)\} \Rightarrow \sim(a \vee c)$.

Câu 175. Sơ đồ suy luận nào đúng?

A. $\{[(a \rightarrow b) \wedge (a \rightarrow d)] \wedge (b \vee d)\} \Rightarrow a$.

B. $\{[(a \rightarrow \sim b) \wedge (c \rightarrow \sim b)] \wedge \sim b\} \Rightarrow (a \vee c)$.

C. $\{[(a \rightarrow b) \wedge (a \rightarrow d)] \wedge (\sim b \vee \sim d)\} \Rightarrow \sim a$.

D. $\{[(a \rightarrow b) \wedge (a \rightarrow d)] \wedge (\sim b \vee \sim d)\} \Rightarrow a$.

Câu 176. Thế nào là suy luận quy nạp?

A. SL từ tiền đề chứa tri thức riêng rút ra kết luận chứa tri thức bao quát mọi tri thức riêng đó.

B. SL đem lại tri thức tổng quát và gần đúng.

C. SL dựa trên mối liên hệ nhân quả để rút ra kết luận.

D. SL đi từ những quy luật, khái niệm tổng quát rút ra hệ quả tất yếu của chúng.

Câu 177. Cách phân loại quy nạp nào đúng?

A. QN hình thức, QN phóng đại và QN khoa học.

B. QN thông thường và QN toán học.

C. QN hoàn toàn và QN không hoàn toàn.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 178. “Sắt, đồng, chì dẫn điện; Sắt, đồng, chì, v.v. là kim loại; vậy, mọi kim loại đều dẫn điện” là suy luận gì?

A. Tam đoạn luận đơn hình 3, hợp logic.

B. Quy nạp hình thức.

C. Loại suy tính chất.

D. A, B, C đều sai.

Câu 179. Kết luận của quy nạp hoàn toàn có tính chất gì?

A. Bao quát, phong phú.

B. Chắc chắn, bao quát, không mới lạ.

C. Chắc chắn, ngắn gọn, phong phú.

D. Không tin cậy, ngắn gọn, sâu sắc.

Câu 180. Quy nạp khoa học có đặc điểm gì?

A. Được sử dụng trong khoa học để nghiên cứu mọi mối liên hệ nhân quả.

B. Không cần khảo sát nhiều trường hợp mà kết luận được rút ra luôn đúng.

C. Dựa trên mối liên hệ nhân quả để rút ra kết luận có độ tin cậy cao.

D. Chỉ dùng trong khoa học thực nghiệm, từ các sự kiện quan sát rút ra mọi định luật chung.

Câu 181. Bổ sung để được một câu đúng: “Phương pháp (PP) tương đồng, PP khác biệt, PP đồng thay đổi và PP phân dư do ...”.

A. F.Bacon xây dựng dành cho khoa học thực nghiệm.

B. R.Descartes xây dựng dành cho khoa học lý thuyết.

C. S.Mill xây dựng dành cho khoa học thực nghiệm.

D. Descartes và Bacon xây dựng để phát triển khoa học thời cận đại nhằm thay thế PP kinh viện giáo điều.

Câu 182. “Trường hợp 1, gồm các sự kiện a, b, c có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 2, gồm các sự kiện e, f, a, b có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 3, gồm các sự kiện a, f, g, h cũng có hiện tượng A xuất hiện; Vậy, sự kiện a là nguyên nhân làm xuất hiện hiện tượng A”. Suy luận này dựa trên phương pháp gì?

A. PP phần dư.

B. PP tương đồng.

C. PP khác biệt.

D. PP phần dư và PP khác biệt.

Câu 183. “Trường hợp 1, gồm các sự kiện a, b, c, d có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 2, gồm các sự kiện b, c, d nhưng hiện tượng A không xuất hiện; Vậy, sự kiện a là nguyên nhân làm xuất hiện hiện tượng A”. Suy luận này dựa trên phương pháp gì?

A. PP phần dư.

B. PP tương đồng.

C. PP khác biệt.

D. PP đồng thay đổi.

Câu 184. Khi quan sát sự rơi của 1 đồng xu, 1 tờ giấy bạc, 1 lông chim trong ống nghiệm, chúng ta thấy chúng rơi với tốc độ khác nhau; Sau đó, rút hết không khí trong ống nghiệm, chúng ta thấy chúng rơi với tốc độ như nhau; Ta kết luận: Sức cản của không khí là nguyên nhân làm cho các vật có khối lượng và hình dạng khác nhau rơi với tốc độ khác nhau. Kết luận này được rút ra dựa trên phương pháp gì?

A. PP phần dư.

B. PP khác biệt.

C. PP đồng thay đổi.

D. PP tương đồng.

Câu 185. Quan sát thấy: Trường hợp 1, gồm sự kiện a, b, c có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 2, gồm sự kiện a', b, c có hiện tượng A' xuất hiện; Trường hợp 3, gồm sự kiện a'', b, c có hiện tượng A'' xuất hiện; Ta kết luận: Sự kiện a là nguyên nhân làm xuất hiện hiện tượng A. Kết luận này được rút ra dựa trên phương pháp gì?

A. PP phần dư

B. PP tương đồng

C. PP khác biệt

D. PP đồng thay đổi

Câu 186. Năm 1860, Pasteur đem lên núi Alpes 73 bình đựng nước canh đóng kín đã khử trùng: Ở mực nước biển, mở 20 bình, ít ngày sau 8 bình hư; Ở độ cao 85m, mở 20 bình, ít ngày sau 5 bình hư; Ở độ cao hơn nữa, mở 20 bình, ít ngày sau 1 bình hư. Những bình còn lại đóng kín không hư. Từ những sự kiện này, ông kết luận: Các vi sinh vật đã làm hư bình nước canh không phải tự nhiên mà có, mà chúng do bụi bặm trong không khí mang vào; số vi sinh vật đó giảm dần tương ứng với độ cao, độ lạnh và độ kém của không khí. Kết luận này được rút ra nhờ vận dụng phương pháp gì?

A. PP phần dư.

B. PP tương đồng.

C. PP khác biệt và PP đồng thay đổi.

D. PP đồng thay đổi và PP phần dư.

Câu 187. Trong mối quan hệ giữa quy nạp và diễn dịch thì kết luận của quy nạp trở thành yếu tố nào của diễn dịch?

A. Kết luận.

B. Đại tiền đề.

C. Tiểu tiền đề.

D. Cả A, B và C.

Câu 188. Loại suy là gì?

A. Cơ sở của phương pháp mô hình hóa.

B. Suy luận không chắc chắn nhưng sinh động, dễ hiểu.

C. *Suy luận đi từ trường hợp riêng này đến trường hợp riêng khác nhờ một số dấu hiệu tương đồng giữa chúng.*

D. Cả A, B và C.

Câu 189. “Trái đất là hành tinh có bầu khí quyển, có sự chênh lệch nhiệt độ ngày đêm không lớn, và có sinh vật. Hỏa tinh cũng là hành tinh có bầu khí quyển và độ chênh lệch nhiệt độ ngày đêm không lớn. Do đó, trên Hỏa tinh cũng có sự sống”. Đây là suy luận gì?

A. Tam đoạn luận.

B. Diễn dịch gián tiếp.

C. Quy nạp khoa học.

D. *Cả A, B, C đều sai.*

Câu 190. Điều kiện nào nâng cao độ tin cậy của kết luận loại suy?

A. Có nhiều dấu hiệu tương đồng và ít dấu hiệu khác biệt.

B. Dấu hiệu tương đồng mang tính bản chất; dấu hiệu khác biệt không mang tính bản chất.

C. Dấu hiệu tương đồng và dấu hiệu loại suy có liên hệ tất yếu với nhau.

D. *Cả A, B, C.*

Câu 191. “Ốc sinh ra từ trứng cũng giống như gan sinh ra mật, bàng quang sinh ra nước tiểu” là suy luận gì?

A. Tam đoạn luận tĩnh lược.

B. Loại suy về quan hệ.

C. Loại suy về sự vật.

D. Diễn dịch trực tiếp.

Câu 192. Bổ sung để được một định nghĩa đúng: “Chứng minh là thao tác logic ...”.

A. đi từ những tiền đề tới kết luận đúng.

B. thuyết phục người khác chấp nhận tính chân thực của luận đề do mình đưa ra.

C. dựa trên các luận cứ chân thực để xác lập tính chân thực của luận đề.

D. vạch ra tính sai lầm của phản luận đề.

Câu 193. Giả thuyết khoa học là gì?

A. Dự đoán của các nhà khoa học về tương lai.

B. Cách cắt nghĩa, lý giải tạm thời của các nhà khoa học.

C. Giả định có cơ sở khoa học về mối liên hệ mang tính quy luật của các hiện tượng, quá trình xảy ra trong thế giới.

D. A, B, C đều đúng.

Câu 194. Ba bộ phận cấu thành một chứng minh là gì?

A. Luận cứ, luận đề, lập luận.

B. Diễn dịch, quy nạp, loại suy.

C. Đại tiền đề, tiểu tiền đề, kết luận.

D. Dữ kiện, giả thuyết, kiểm chứng.

Câu 195. Chứng minh trực tiếp là gì?

A. CM dựa vào kinh nghiệm cá nhân.

B. CM dựa vào kinh nghiệm tập thể.

C. Suy luận đi từ những luận cứ đúng suy ra luận đề đúng.

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 196. Gọi T là luận đề; a, b, c, d là luận cứ; m, n, p, q là các hệ quả tất yếu được suy ra từ a, b, c, d. Sơ đồ $[a \wedge b \wedge c \wedge d) \rightarrow (m \wedge n \wedge q) \rightarrow T]$ thể hiện chứng minh gì?

- A. CM gián tiếp.
- B. CM phản chứng.
- C. CM trực tiếp.
- D. CM loại trừ.

Câu 197. Trong chứng minh phản chứng chúng ta phải làm gì?

- A. CM luận đề sai.
- B. CM luận cứ sai vì mâu thuẫn với luận đề.
- C. CM mệnh đề mâu thuẫn với luận đề là mệnh đề sai.
- D. Chỉ ra không thể thiết lập được mối liên hệ giữa luận cứ với luận đề.

Câu 198. Do điều gì dẫn đến “Sai lầm cơ bản”?

- A. Sử dụng luận cứ không xác thực khi chứng minh hay bác bỏ.
- B. Không tuân thủ các quy luật cơ bản của tư duy.
- C. Không tuân thủ các quy tắc cơ bản trong chứng minh.
- D. Không hiểu được những điều đơn giản, cơ bản trong lập luận.

Câu 199. Bác bỏ là gì?

- A. Chỉ là một dạng chứng minh đặc biệt.
- B. Phản đối gay gắt, phê bình triệt để một luận điểm nào đó.
- C. Vạch ra lập luận, luận cứ hay luận đề không đúng.
- D. Cả A, B và C.

Câu 200. “Bố vợ hỏi: Tại sao ngỗng kêu to? Con rě học trò đáp: Cổ dài thì kêu to. Con rě nông dân bác bỏ (BB): Ếnh ương cổ đâu mà cũng kêu to!. Bố vợ lại hỏi: Tại

sao vịt nổi? Con rể học trò đáp: Nhiều lông ít thịt thì nổi. Con rể nông dân lại BB: Cái thuyền có lông đâu mà cũng nổi”. Cách BB của con rể nông dân được gọi là gì?

- A. BB luận cứ không là lý do đầy đủ.
- B. BB luận chứng không hợp logic.
- C. BB luận cứ không chân thực.
- D. BB luận đề gián tiếp.

Câu 201. Cho mệnh đề T, ta xác định mệnh đề $\sim T$ trái ngược với mệnh đề T, và chứng minh mệnh đề $\sim T$ đúng. Thao tác logic này được gọi là gì?

- A. Chứng minh gián tiếp mệnh đề T.
- B. Chứng minh phản chứng mệnh đề T.
- C. Bác bỏ gián tiếp mệnh đề T.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 202. Lỗi logic “Đánh tráo luận đề” thường xảy ra trong trường hợp nào?

- A. Suy luận loại suy.
- B. Chứng minh hay bác bỏ.
- C. Nguy biện dựa vào tình cảm hay bạo lực.
- D. Nguy biện “cái sau cái đó là do cái đó”.

Câu 203. “Chứng minh dựa vào tư cách cá nhân” là biểu hiện cụ thể của lỗi logic gì?

- A. Sai lầm cơ bản.
- B. Lập luận vòng vo.
- C. Vượt quá cơ sở.
- D. Đánh tráo luận đề.

Câu 204. “Lý luận bằng gậy” là biểu hiện cụ thể của lỗi logic gì?

- A. Sai lầm cơ bản.
- B. Lập luận vòng vo.
- C. Vượt quá cơ sở.
- D. Đánh tráo luận đề.

Câu 205. “Hành văn mập mờ” là sai lầm do vi phạm quy luật nào?

- A. QL lý do đầy đủ.
- B. QL loại trừ cái thứ ba.
- C. QL phi mâu thuẫn.
- D. Cả A, B C đều sai.

Câu 206. Ngụy biện là gì?

- A. Sử dụng hình thức tư duy đúng để thay đổi nội dung tư duy.
- B. Cố ý mắc lỗi logic tinh vi trong mọi quá trình lập luận, suy nghĩ.
- C. Cố ý mắc lỗi logic với mục đích thay đổi giá trị chân lý của mệnh đề.
- D. Lý giải một cách gian xảo, vô đạo đức, nhằm chiến thắng đối phương.

Câu 207. Ai đó nói “Tôi là kẻ nói dối”; vậy người đó nói dối hay nói thật?

- A. Nói dối.
- B. Nói thật.
- C. Là người nói thật nhưng trong trường hợp này nói dối.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 208. Nếu theo lệnh “Chỉ được phép cạo cho tất cả những người và chỉ những người không tự cạo”, thì anh thợ cạo có được phép cạo cho mình hay không?

- A. Được phép.
- B. Không được phép.

C. Lệnh này không áp dụng cho anh thợ cạo.

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 209. Nghịch lý logic là gì?

A. Lập luận hợp logic, có tiền đề và kết luận những mệnh đề đối chọi nhau.

B. Là một dạng nguy hiểm đặc biệt; một kiểu phản bác, phê bình triệt để.

C. *Lập luận hợp logic, có tiền đề và kết luận những mệnh đề mâu thuẫn nhau.*

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 210. Có 3 GV dạy 3 môn: toán, lý, hóa. GV dạy môn lý nhận xét: “Chúng ta mỗi người dạy 1 trong 3 môn trùng với tên của chúng ta nhưng không ai dạy môn trùng với tên của mình cả”. GV Toán hưởng ứng: “Anh nói đúng”. Hỏi GV nào, dạy môn gì?

A. GV Toán dạy toán, GV Lý dạy lý, GV Hóa dạy hóa.

B. GV Toán dạy lý, GV Lý dạy hóa, GV Hóa dạy toán.

C. *GV Toán dạy hóa, GV Hóa dạy lý, GV Lý dạy toán.*

D. GV Toán dạy lý, GV Lý dạy toán, GV Hoá dạy hóa.

Câu 211. Có ba GV tên là: Toán, Lý, Hóa; Mỗi người dạy một trong ba môn là: môn toán, môn lý, môn hóa; Ba mệnh đề sau đây chỉ có một mệnh đề đúng: 1) GV Toán dạy môn hóa; 2) GV Lý không dạy môn hóa; 3) GV Hóa không dạy môn lý. Hỏi GV nào dạy môn gì?

A. GV Toán dạy toán, GV Lý dạy lý, GV Hoá dạy hóa.

B. *GV Toán dạy lý, GV Lý dạy hóa, GV Hoá dạy toán.*

C. GV Toán dạy hóa, GV Hoá dạy lý, GV Lý dạy toán.

D. GV Toán dạy lý, GV Lý dạy toán, GV Hoá dạy hóa.

Câu 212. Nếu mệnh đề “Trong hội nghị này (THNN) có người tán thành ý kiến ấy” là đúng, thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng?

- A. THNN không phải không có người tán thành ý kiến ấy.
- B. THNN không có ai không tán thành ý kiến ấy.
- C. THNN có vài người không tán thành ý kiến ấy.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 213. Nếu mệnh đề “Trong hội nghị này (THNN) có người tán thành ý kiến ấy (TTYKÂ)” là sai, thì mệnh đề nào sau đây sẽ đúng?

- A. THNN không phải không có người TTYKÂ.
- B. THNN không có ai không TTYKÂ.
- C. THNN có vài người không TTYKÂ.
- D. B và C đều đúng.

Câu 214. Bốn bạn X, Y, Z, W vừa thi đấu cờ vua trở về. Có ba em đạt ba giải (nhất, nhì, ba) và một em không đạt giải. Khi được hỏi về kết quả, các em trả lời như sau: X trả lời: “Mình đạt giải nhì hoặc ba”; Y trả lời: “Mình đã đạt giải”; Z trả lời: “Mình đạt giải nhất”; W trả lời: “Mình không đạt giải”. Biết có 3 bạn nói thật, 1 bạn nói đùa. Hỏi bạn nào nói đùa?

- A. Bạn Z nói đùa.
- B. Bạn Y nói đùa.
- C. Bạn X nói đùa.
- D. Bạn W nói đùa.

Câu 215. P nói: “... xin thưa để cho rõ ràng, nếu mọi người đều trở thành học giả hay làm ông lớn cả thì lấy ai đi cày hay buôn bán nữa. Rồi nhân loại chết đói hết”. Q có bác bè: “Nhưng nếu ai cũng đi cày hay đi buôn cả thì còn ai thông hiểu học vấn nữa. Rồi nhân loại dốt hết”. Suy luận rút gọn của P và Q là suy luận gì, có hợp logic không?

- A. TĐL kéo theo, hình thức khẳng định, hợp logic.
- B. TĐL kéo theo, hình thức phủ định, hợp logic.

C. TĐL kéo theo, hình thức khẳng định, không hợp logic.

D. TĐL kéo theo, hình thức phủ định, không hợp logic.

Câu 216. Có cuộc thoại: Chàng trai - “Nếu em lấy anh thì anh sẽ không để cho em phải khổ”. Cô gái -“VẬY, anh muốn nói rằng, nếu không lấy anh thì đời em sẽ khổ chứ gì?”. Kết luận của cô gái rút ra dựa trên suy luận gì, có hợp logic không?

A. Tam đoạn luận tĩnh lược, hợp logic.

B. Diễn dịch trực tiếp, hợp logic.

C. Diễn dịch trực tiếp, không hợp logic.

D. Kiếu đổi chỗ, không hợp logic.

Câu 217. Có ba ông thợ cắt tóc X, Y, Z (một ông thợ giỏi, một ông thợ trung bình, một ông thợ vụng) tháng nào cũng cắt tóc cho nhau. Hãy cho biết tay nghề của từng ông thợ, nếu quan sát thấy: Tháng đầu, đầu ông X được cắt trung bình, đầu ông Y được cắt đẹp, đầu ông Z bị cắt xấu. Tháng sau, đầu ông X được cắt đẹp, đầu ông Y bị cắt xấu, đầu ông Z được cắt trung bình.

A. X – thợ cắt đẹp; Y – thợ cắt trung bình; Z – thợ cắt xấu.

B. Z – thợ cắt đẹp; X – thợ cắt trung bình; Y – thợ cắt xấu.

C. Y – thợ cắt trung bình; Z – thợ cắt đẹp; X – thợ cắt xấu.

D. Y – thợ cắt đẹp; Z – thợ cắt trung bình; X – thợ cắt xấu.

Câu 218. “Hắn chửi như những người say rượu hát. Giá mà hắn biết hát thì hắn đã không chửi. Nhưng khổ cho đời và khổ cho người là hắn lại không biết hát. Vậy thì hắn chửi, cũng như chiều nay hắn chửi”. Đoạn văn trên thể hiện suy luận gì? Có hợp logic không?

A. Tam đoạn luận (TĐL) giả định, hợp logic.

B. TĐL điều kiện, hợp logic.

C. TĐL giả định, không hợp logic.

D. TĐL điều kiện, không hợp logic.

Câu 219. “Nó mà sống thì là một chuyện màu nhiệm, mà chuyện màu nhiệm thì không còn xảy ra ở cái thế giới này nữa”. Đoạn văn trên thể hiện suy luận gì? Có hợp logic không?

- A. Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo, hình thức phủ định, không hợp logic.
- B. TĐL kéo theo thuần túy, tính lược kết luận, hợp logic.
- C. TĐL kéo theo, hình thức phủ định, hợp logic.
- D. Diễn dịch trực tiếp, kiểu kéo theo, hợp logic.

Câu 220. “Không có sách thì không có tri thức. Không có tri thức thì không có chủ nghĩa cộng sản”. Đoạn văn này thể hiện suy luận gì? Có hợp logic không?

- A. Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo, hợp logic.
- B. TĐL kéo theo thuần túy, không hợp logic.
- C. Diễn dịch trực tiếp, hợp logic.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 221. “Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hấn đâu còn mạnh nữa”. Đoạn văn này thể hiện suy luận gì? Có hợp logic hay không?

- A. Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo, hình thức khẳng định, bớt kết luận, hợp logic.
- B. TĐL kéo theo, hình thức khẳng định, bớt kết luận, không hợp logic.
- C. TĐL kéo theo, hình thức phủ định, bớt tiểu tiền đề, hợp logic.
- D. Tam đoạn luận, không hợp logic.

Câu 222. “Bao giờ cây lúa còn bông, thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn”. Câu ca dao này thể hiện suy luận gì? Có hợp logic không?

- A. Tam đoạn luận kéo theo (TĐLKT), không hợp logic.
- B. TĐLKT, hình thức phủ định, bớt đại tiền đề và kết luận, hợp logic.
- C. TĐLKT, hình thức khẳng định, bớt tiểu tiền đề và kết luận, hợp logic.

D. Diễn dịch trực tiếp, bất kết luận, hợp logic.

Câu 223. “Không hiệp ý thì đã chẳng đến đây; đã đến đây tức là không ai không hiệp ý”. Đoạn văn này thể hiện suy luận gì? Có hợp logic không?

A. Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo thuần túy, bất kết luận, hợp logic.

B. TĐL kéo theo, hình thức phủ định, bất kết luận, hợp logic.

C. TĐL kéo theo thuần túy, bấtđại tiền đề, không hợp logic.

D. Diễn dịch trực tiếp kiểu kéo theo, hợp logic.

Câu 224. “Vợ tôi là đàn bà; cô là đàn bà; vậy, cô là vợ tôi”. Kết luận sai lầm này có thể bác bỏ bằng cách nào?

A. Chỉ ra luận cứ không chân thực.

B. Chỉ ra luận cứ không là lý do đầy đủ.

C. Chỉ ra lập luận không hợp lôgích.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 225. Suy luận: “Nghèo đói thì không học hành được; Không học hành được thì dốt nát; Dốt nát thì không biết cách làm ăn; Không biết cách làm ăn thì lại đói nghèo. Như vậy, đói nghèo lại sinh ra nghèo đói” là đúng hay sai, vì sao?

A. Sai, vì luẩn quẩn.

B. Sai, vì quá bi quan.

C. Sai, vì trên thực tế không học hành được cũng chưa chắc chắn là dốt nát.

D. Đúng về hình thức, nhưng kết luận sai, vì có tiền đề sai.

Câu 226. Qua lời thoại sau hãy xác định lý luận của Y là gì?

X: Tôi cho rằng anh không tuân theo quy tắc giao thông như vậy là sai. Phải sửa chữa.

Y: Không tuân theo cũng chẳng có gì là ghê gớm cả!

X: Mọi người ai cũng không tuân theo thì trên đường sẽ loạn.

Y: Tôi không cãi nổi với anh, mà anh cũng chẳng giỏi giang gì, anh thử nói giao thông là gì xem nào?

- A. Ngụy biện đòi hỏi quá đáng.
- B. Ngụy biện công kích đối phương.
- C. *Ngụy biện đánh lạc hướng.*
- D. Lập luận vòng quanh, dài dòng.

Câu 227. Ba công ty S1, S2, S3 thỏa thuận với nhau: “Nếu S1 không đầu tư vào một lĩnh vực nào đó thì S2 cũng không được đầu tư vào lĩnh vực đó. Nhưng, nếu S1 đầu tư vào một lĩnh vực nào đó thì cả S2 và S3 đều phải đầu tư vào lĩnh vực đó”. Hỏi, nếu S2 đầu tư vào lĩnh vực địa ốc thì S3 có phải đầu tư vào lĩnh vực địa ốc hay không?

- A. Đầu tư mà bất chấp S1 có đầu tư hay không.
- B. *Đầu tư khi S1 đầu tư.*
- C. Đầu tư khi S1 không đầu tư.
- D. Không đầu tư khi S1 đầu tư.

Câu 228. Ông B có quan hệ gì với bà A; nếu biết, Mẹ chồng bà A có 2 chị em mà em vợ của ông B là cậu của chồng bà A?

- A. Ông B là bác chồng bà A.
- B. Ông B là cậu chồng bà A.
- C. *Ông B là ba chồng bà A.*
- D. Ông B là dượng chồng bà A.

Câu 229. Mệnh đề nào tương đương với: “Lượng sắt trong cơ thể (CT) của chúng ta là không đáng kể, nhưng lượng sắt đó lại hoàn toàn không thể thiếu được đối với việc duy trì sự sống cho con người (CN)”?

- A. Muốn sống thì CT của CN cần phải có sắt.

B. Lượng sắt đáng kể trong CT của chúng ta là lượng sắt không duy trì sự sống cho CN.

C. Điều kiện cần và đủ để CN sống được là trong CT của CN phải có sắt.

D. Lượng sắt không đáng kể trong CT của chúng ta là lượng sắt không thể thiếu được đối với việc duy trì sự sống cho CN.

Câu 230. Ba bạn X, Y và Z thỏa thuận với nhau như sau: 1) Nếu X không tán thành một vấn đề nào đó thì Y cũng không tán thành vấn đề đó; 2) Nếu X tán thành một vấn đề nào đó thì cả Y lẫn Z đều phải tán thành vấn đề đó. Hỏi, nếu Y tán thành một vấn đề nào đó thì Z có tán thành vấn đề đó hay không?

A. Tán thành, khi X tán thành.

B. Không tán thành, khi X không tán thành.

C. Tán thành, khi X không tán thành.

D. Không tán thành, khi X tán thành.

Câu 231. Xác định cặp khái niệm có quan hệ đồng nhất trong các cặp khái niệm sau:

A. “Nhà tư bản” và “Kẻ bóc lột giá trị thặng dư”.

B. “Doanh nghiệp cơ khí” và “Doanh nghiệp thủ công”.

C. “Giám đốc” và “Chủ nhân kinh tế”.

D. “Doanh nghiệp” và “Công ty lương thực”.

Câu 232. Hai khái niệm: “Người lao động” & “Người bị bóc lột lao động làm thuê” có các quan hệ sau. Hãy xác định câu trả lời Đúng.

A. Mâu thuẫn

B. Giao nhau

C. Ngang hàng

D. Bao hàm

Câu 233. Trong các khái niệm sau, khái niệm nào có ngoại diên rộng nhất?

- A. Giám đốc doanh nghiệp nhà nước
- B. Người lao động
- C. Giám đốc doanh nghiệp
- D. Cán bộ quản lý

Câu 234. Hãy chọn câu phát biểu đúng nhất. Logic học nghiên cứu:

- A. Logic học là khoa học nghiên cứu về các hình thức và quy luật của tư duy nhằm nhận thức đúng đắn thế giới khách quan
- B. Tư tưởng đạt tới mức độ nào về sự vật khách quan
- C. Cấu tạo tư tưởng trong quá trình phản ánh sự vật khách quan
- D. Nội dung mà sự vật khách quan phản ánh vào trong tư tưởng

Câu 235. Khái niệm “Doanh nghiệp” được phân chia thành: “Doanh nghiệp lớn”; “Doanh nghiệp vừa”; “Doanh nghiệp nhỏ”; “Doanh nghiệp tư nhân”.Hãy xác định những quy tắc mà sự phân chia nói trên đã vi phạm:

- A. Không được thay đổi cơ sở phân chia
- B. Các bộ phận thu được sau khi phân chia phải loại trừ nhau
- C. Phân chia phải cân đối
- D. Vi phạm cả 3 quy tắc

Câu 236. Có người định nghĩa: “Ô tô là phương tiện giao thông cơ giới”. Hỏi: Định nghĩa trên vi phạm quy tắc nào trong các quy tắc định nghĩa ghi dưới đây.

- A. Định nghĩa không được luẩn quẩn.
- B. Định nghĩa phải cân đối.
- C. Định nghĩa phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn.
- D. Định nghĩa không được phủ định.

Câu 237. Cho định nghĩa khái niệm: "Logic học là khoa học nghiên cứu về tư duy". Định nghĩa trên vi phạm quy tắc nào trong các quy tắc định nghĩa khái niệm. Hãy chọn phương án đúng:

- A. Định nghĩa quá rộng.
- B. Không vi phạm quy tắc nào cả.
- C. Định nghĩa vừa quá rộng, vừa quá hẹp.
- D. Định nghĩa quá hẹp.

Câu 238. Xác định cặp khái niệm có quan hệ đối lập trong các khái niệm sau:

- A. Kinh doanh và lợi nhuận.
- B. Xã hội cộng sản nguyên thủy và xã hội không phải cộng sản nguyên thủy.
- C. Tiền mặt và vàng.
- D. Giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Câu 239. Định nghĩa "Dịch vụ là một lĩnh vực kinh doanh" vi phạm quy tắc định nghĩa nào?

- A. Quy tắc định nghĩa phải cân đối
- B. Quy tắc định nghĩa không được quanh quẩn
- C. Quy tắc định nghĩa phải rõ ràng (tường minh)
- D. Quy tắc định nghĩa không được phủ định

Câu 240. Nếu phân chia khái niệm " ánh sáng" thành 3 khái niệm "ánh sáng nhân tạo", "ánh sáng mặt trời", "ánh sáng mặt trăng" là vi phạm quy tắc phân chia khái niệm sau đây:

- A. Phân chia phải cân đối
- B. Các thành phần phân chia phải loại trừ nhau
- C. Phân chia theo một cơ sở nhất định

D. Vi phạm tất cả các phương án

Câu 241. Hãy chọn câu phát biểu đúng nhất về các hình thức của tư duy:

A. Khái niệm, phán đoán, cảm giác

B. Khái niệm, phán đoán, suy lý

C. Khái niệm, tri giác, biểu tượng

D. Phán đoán, suy lý, biểu tượng

Câu 242. Hai khái niệm: “Nguyên đơn” & “Người khởi kiện” có các quan hệ sau. Hãy xác định câu trả lời Đúng.

A. Tách rời

B. Đồng nhất

C. Giao nhau

D. Bao hàm

Câu 243. Xác định cặp khái niệm có quan hệ bao hàm (lệ thuộc) trong các cặp khái niệm sau:

A. “Trắng” và “Đen”

B. “Sinh viên” và “Đảng viên”

C. “Nhà quản lý” và “Nhà kinh doanh”

D. “Hàng hoá” và “Sản phẩm của lao động”

Câu 244. Xác định cặp khái niệm có quan hệ bao hàm trong các cặp khái niệm sau:

A. “Hàng văn hoá phẩm” và “Hàng thực phẩm”.

B. “Chiến tranh chính nghĩa” và “Chiến tranh phi nghĩa”.

C. “Hàng tiêu dùng” và “Hàng Việt Nam”.

D. “Người quản lý” và “Giám đốc giỏi”.

Câu 245. Xác định các khái niệm có quan hệ mâu thuẫn trong các cặp khái niệm sau:

- A. “Có văn hoá” và “Vô văn hoá”
- B. “Hàng tiêu dùng” và “Thực phẩm”
- C. “Sinh viên” và “Học sinh”
- D. “Cao” và “Thấp”

Câu 246. Phân chia khái niệm “Sinh viên” thành các khái niệm: “Sinh viên nữ” - “Sinh viên các nước Châu á” - “Sinh viên giỏi” - “Sinh viên yếu”. Hỏi: Phép phân chia khái niệm như trên vi phạm quy tắc nào:

- A. Các thành phần phân chia phải loại trừ nhau.
- B. Phân chia phải cân đối.
- C. Phân chia phải cùng cơ sở.
- D. Cả 3 quy tắc đều trên đều bị vi phạm.

Câu 247. Khái niệm “phương tiện giao thông” được phân chia thành các khái niệm: “Phương tiện giao thông đường thủy” - “Phương tiện xe lửa” - “Phương tiện máy bay”. Hỏi: Cách phân chia khái niệm như trên vi phạm quy tắc nào trong các quy tắc phân chia khái niệm được ghi dưới đây:

- A. Phân chia phải theo một cơ sở nhất định.
- B. Phân chia phải cân đối.
- C. Vi phạm tất cả các phương án.
- D. Các thành phần phân chia phải loại trừ nhau.

Câu 248. Xác định cặp khái niệm có quan hệ mâu thuẫn trong các cặp khái niệm sau:

- A. “Giáo sư” và “Tiến sĩ”.
- B. “Người giám đốc” và “Người kế toán trưởng”.
- C. “Người kinh doanh giỏi” và “Người kinh doanh không giỏi”.

D. “Người lao động” và “Nhà quản lý”.

Câu 249. Định nghĩa “Hàng hoá là vật phẩm do lao động làm ra” đã sai vì đã vi phạm quy tắc nào?

- A. Định nghĩa phải cân đối
- B. Định nghĩa phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn
- C. Định nghĩa không được luẩn quẩn
- D. Định nghĩa không được phủ định

Câu 250. Xác định quan hệ đối lập trong các cặp khái niệm dưới đây:

- A. “Hàng lương thực” và “Hàng xuất khẩu”
- B. “Thị trường tài chính” và “Thị trường sức lao động”
- C. “Ngành dịch vụ” và “Ngành du lịch”
- D. “Thị trường hàng xuất khẩu” và “Thị trường hàng nhập khẩu”

Câu 251. Các yếu tố logic của suy luận là gì?

- A. Đại tiền đề, tiểu tiền đề và kết luận.
- B. Tiền từ, hậu từ và liên từ logic
- C. Chủ từ, vị từ, hệ từ và lượng từ.
- D. Tiền đề, kết luận và cơ sở logic

Câu 252. Thế nào là suy luận hợp logic?

- A. SL tuân thủ mọi quy tắc logic hình thức.
- B. SL từ tiền đề đúng và tuân thủ mọi quy tắc logic.
- C. SL luôn đưa đến kết luận xác thực.
- D. SL có lý nhưng luôn đưa đến kết luận sai lầm.

Câu 253. Thế nào là suy luận đúng?

- A. Suy luận hợp logic.
- B. Suy luận đưa đến kết luận đúng.
- C. Suy luận hợp logic và xuất phát từ mọi tiền đề đều xác thực.
- D. A, B, C đều đúng.

Câu 254. Thao tác logic đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên cùng chất, nhưng có vị từ và chủ từ đổi chỗ cho nhau được gọi là gì?

- A. Diễn dịch trực tiếp.
- B. Phép đổi chất.
- C. Phép đổi chỗ.
- D. Suy luận theo hình vuông logic.

Câu 255. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là A thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A.
- B. I.
- C. E.
- D. A hay I.

Câu 256. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là I thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A.
- B. I hay A.
- C. E.
- D. I.

Câu 257. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là E thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A.

B. I.

C. E hay O.

D. A hay I.

Câu 258. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là O thì kết luận hợp logic là gì?

A. A hay I.

B. I.

C. E hay O.

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 259. Thao tác logic đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên cùng lượng cùng chủ từ, nhưng khác chất và có vị từ là khái niệm mâu thuẫn với khái niệm đóng vai trò vị từ của tiền đề được gọi là gì?

A. Diễn dịch trực tiếp.

B. Phép đổi chất.

C. Phép đổi chỗ.

D. Suy luận theo hình vuông logic.

Câu 260. Nếu tiền đề là A, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. I.

C. E hay O.

D. A hay I.

Câu 261. Nếu tiền đề là I, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. O.

C. E.

D. E hay I.

Câu 262. Nếu tiền đề là E, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. I.

C. E.

D. A hay I.

Câu 263. Nếu tiền đề là O, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. I.

C. E.

D. A hay I.

Câu 264. Thao tác logic đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên, khác chất, có chủ từ là khái niệm mâu thuẫn với khái niệm đóng vai trò vị từ của tiền đề và vị từ là khái niệm đóng vai trò chủ từ của tiền đề được gọi là gì?

A. Diễn dịch trực tiếp.

B. Phép đổi chất.

C. Phép đổi chỗ.

D. Phép đổi chất và đổi chỗ.

Câu 265. Nếu tiền đề là A, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. I.

C. E hay O.

D. A hay I.

Câu 266. Nếu tiền đề là I, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. O.

C. E.

D. A, B, C đều sai.

Câu 267. Nếu tiền đề là E, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. I.

C. E.

D. A hay I.

Câu 268. Nếu tiền đề là O, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp logic là gì?

A. A.

B. I.

C. E.

D. Không thực hiện được.

Câu 269. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $A \text{ ® } \sim E$; $E \text{ ® } \sim A$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 270. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $\sim O \text{ ® } I ; \sim I \text{ ® } O$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 271. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $A \text{ « } \sim O ; E \text{ « } \sim I$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 272. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông logic ta có sơ đồ suy luận: $A \text{ ® } I ; \sim O \text{ ® } \sim E$?

A. Mâu thuẫn.

B. Tương phản trên.

C. Tương phản dưới.

D. Lệ thuộc.

Câu 273. Từ tiền đề "Có những sinh viên nghiên cứu khoa học rất giỏi", bằng phép đổi chỗ, kết luận hợp logic được rút ra là gì?

A. Có những sinh viên không biết nghiên cứu khoa học.

B. Có những sinh viên nghiên cứu khoa học rất dở.

C. Không phải tất cả sinh viên đều nghiên cứu khoa học dở.

D. Có những người nghiên cứu khoa học rất giỏi là sinh viên.

Câu 274. Từ tiền đề “Có loài côn trùng không có hại”, bằng phép đổi chỗ, kết luận hợp logic được rút ra là gì?

- A. Một số loài không có hại là côn trùng.
- B. Những loài côn trùng khác có hại.
- C. Không phải tất cả các loài côn trùng đều có hại.
- D. Không thực hiện được.

Câu 275. Phán đoán nào tương đương với phán đoán “Nếu ông ấy không tham ô thì ông ấy không bị cách chức và cũng không bị truy tố”?

- A. Nếu ông ấy bị truy tố hay bị cách chức thì ông ấy đã tham ô.
- B. Nếu ông ấy tham ô thì ông ấy bị cách chức và bị truy tố.
- C. Nếu ông ấy tham ô thì ông ấy bị cách chức hay bị truy tố.
- D. Vẫn có chuyện ông ấy tham ô mà không bị cách chức.

Câu 276. Điều kiện đủ để xây dựng được một suy luận diễn dịch trực tiếp hợp logic là gì?

- A. Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có chủ từ và vị từ giống nhau.
- B. Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có quan hệ đồng nhất nhau.
- C. Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có các thành phần giống nhau.
- D. Kết luận phải là PĐ lệ thuộc vào PĐ tiền đề.

Câu 277. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \text{ ® } \sim b] \text{ P } [\sim b \text{ ® } a]$.
- B. $[\sim a \text{ ® } b] \text{ P } [\sim b \text{ ® } \sim a]$.
- C. $[\sim b \text{ ® } a] \text{ P } [\sim a \text{ ® } b]$.
- D. $[a \text{ ® } b] \text{ P } [\sim b \text{ ® } a]$.

Câu 278. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \otimes \sim b] \vdash [\sim a \dot{\cup} \sim b]$.
- B. $[\sim a \otimes b] \vdash [b \otimes a]$.
- C. $[\sim a \otimes b] \vdash [\sim a \otimes \sim b]$.
- D. $[a \otimes \sim b] \vdash \sim\{a \dot{\cup} b\}$.

Câu 279. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \otimes \sim b] \vdash [\sim b \otimes a]$.
- B. $[\sim a \otimes b] \vdash [b \otimes a]$.
- C. $[a \otimes b] \vdash [\sim a \otimes \sim b]$.
- D. $[a \otimes b] \vdash [\sim a \dot{\cup} b]$.

Câu 280. Kiểu suy luận nào đúng?

- A. $[a \dot{\cup} \sim b] \vdash [\sim b \dot{\cup} a]$.
- B. $[\sim a \dot{\cup} b] \vdash \sim[\sim b \dot{\cup} a]$.
- C. $[a \dot{\cup} b] \vdash [\sim a \dot{\cup} \sim b]$.
- D. $[a \dot{\cup} b] \vdash [\sim a \dot{\cup} \sim b]$.

Câu 281. Trong suy luận diễn dịch hợp logic, nếu khái niệm được chu diên ở tiền đề thì ở kết luận nó có chu diên không?

- A. Chu diên.
- B. Không chu diên.
- C. Có thể chu diên nhưng cũng có thể không chu diên.
- D. A, B, C đều sai.

Câu 282. Trong tam đoạn luận đơn hợp logic, trung từ phải thế nào?

- A. Có mặt trong cả 2 tiền đề.

- B. Chu diên ít nhất 1 lần.
- C. Không xuất hiện ở kết luận.
- D. A, B, C đều đúng.

Câu 283. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là E hay O thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.
- B. E hay O.
- C. A hay E.
- D. A, B, C đều sai.

Câu 284. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là A hay I thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.
- B. E hay O.
- C. A hay E.
- D. I hay O.

Câu 285. Trong tam đoạn luận đơn, nếu có 1 tiền đề là I hay O thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.
- B. E hay O.
- C. A hay E.
- D. O hay I.

Câu 286. Trong tam đoạn luận đơn, nếu có 1 tiền đề là E hay O thì kết luận hợp logic là gì?

- A. A hay I.

B. E hay O.

C. A hay E.

D. O hay I.

Câu 287. Trong tam đoạn luận đơn, nếu 2 tiền đề là I hay O thì kết luận hợp logic là gì?

A. A hay I.

B. E hay O.

C. A hay E.

D. Không kết luận được.

Câu 288. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là A hay E thì kết luận hợp logic là gì?

A. A hay I

B. E hay O

C. A hay E

D. A, E, I hay O.

Câu 289. Trong tam đoạn luận đơn, những cặp tiền đề nào không vi phạm quy tắc chung?

A. AA, AE, AI, AO, EA, EO, IA, IE, OA.

B. AA, AE, AI, AO, EA, IA, IE, OA, II.

C. AA, AE, AI, AO, EA, EI, IA, IE, OA.

D. AA, EE, AE, AI, AO, EA, IA, IE, OA.

Câu 290. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 1 là gì?

A. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.

B. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.

C. Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.

D. Đại tiền đề là A hay E; có tiền đề là O hay E.

Câu 291. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 2 là gì?

A. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.

B. Đại tiền đề là A hay E; có tiền đề là O hay E.

C. Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.

D. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.

Câu 292. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 3 là gì?

A. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.

B. Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.

C. Tiểu tiền đề là A hay I; kết luận là O hay I.

D. Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.

Câu 293. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 1.

A. EAE, AEE, EIO, AOO.

B. AAI, AEE, IAI, EAO.

C. AAA, EAE, AII, EIO.

D. AAA, EAE, AEE, EIO.

Câu 294. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 2.

A. EAE, AEE, EIO, AOO.

B. AAI, AEE, IAI, EAO.

C. AAA, EAE, AII, EIO.

D. AAA, EAE, AEE, EIO.

Câu 295. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 3.

- A. EAE, AEE, EIO, AOO.
- B. AAI, AII, EAO, EIO, AOO, OAO.
- C. AAA, EAE, AII, EIO.
- D. AAI, AII, EAO, IAI, OAO, EIO.

Câu 296. “Đàn ông thống trị thế giới; đàn bà thống trị đàn ông; vì vậy, đàn bà thống trị thế giới” là suy luận gì?

- A. Tam đoạn luận hình 1, kiểu AAA.
- B. Tam đoạn luận kéo theo, hình thức khẳng định.
- C. Tam đoạn luận hình 1, kiểu III.
- D. A, B, C đều sai.

Câu 297. “Ăn mặn thì khát nước; Khát nước thì uống nhiều nước; Uống nhiều nước thì đã khát; Vậy, ăn mặn thì đã khát”. Đây là suy luận gì? Có hợp logic không?

- A. Suy luận bắc cầu, không hợp logic.
- B. Suy luận đa đề, không hợp logic.
- C. Tam đoạn luận phức, kiểu kéo theo thuần túy, dạng tính lược, hợp logic.
- D. Tam đoạn luận phức, kiểu kéo theo thuần túy, dạng tính lược, không hợp logic.

Câu 298. “Một số loài thú sống dưới nước; Cá voi sống dưới nước; Vậy, cá voi là loài thú”. Tam đoạn luận đơn này đúng hay sai, vì sao?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- B. Đúng, vì các tiền đề và kết luận đều đúng.
- C. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
- D. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 299. Kiểu EIO đúng hay sai, tại sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong cả hai tiền đề?

- A. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
- B. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- C. *Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận đơn.*
- D. Sai, vì tiểu từ không chu diên trong tiền đề, nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 300. Kiểu AIO đúng hay sai, tại sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong đại tiền đề và là vị từ trong tiểu tiền đề?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- B. Sai, vì đại từ không chu diên ở tiền đề nhưng lại chu diên ở kết luận.
- C. Sai, vì cả 2 tiền đề đều là phán đoán khẳng định mà kết luận là phán đoán phủ định.
- D. *B và C đều đúng*

Câu 301. Kiểu EIO đúng hay sai, vì sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong tiểu tiền đề và là vị từ trong đại tiền đề?

- A. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
- B. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- C. *Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận đơn.*
- D. Sai, vì tiểu từ không chu diên trong tiền đề, nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 302. Kiểu AOI đúng hay sai tại sao; Biết rằng tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong tiểu tiền đề và là vị từ trong đại tiền đề?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- B. *Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận.*
- C. *Sai, vì tiểu từ chu diên trong tiền đề, nhưng không chu diên trong kết luận.*
- D. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.

Câu 303. “Chào mào thích ăn hạt kê; bởi vì chào mào là một loài chim; mà mọi loài chim đều thích ăn hạt kê”. Tam đoạn luận này đúng hay sai, tại sao?

- A. Đúng, vì các tiền đề và kết luận đều đúng;
- B. Đúng, vì tuân thủ tất cả các quy tắc của tam đoạn luận đơn;
- C. Sai, vì không phải loài chim nào cũng thích ăn hạt kê;
- D. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán khẳng định.

Câu 304. “Đa số hạt cơ bản được tạo thành từ ba hạt quark; Proton là hạt cơ bản; Vậy, Proton được tạo thành từ ba hạt quark”. Tam đoạn luận đơn này đúng hay sai, tại sao?

- A. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề;
- B. Đúng, vì tuân thủ tất cả các quy tắc của tam đoạn luận đơn;
- C. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận;
- D. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề nhưng chu diên trong kết luận.

Câu 305. Kiểu tam đoạn luận đơn AAI, thuộc hình 2 đúng hay sai, vì sao?

- A. Sai, tiểu từ và đại từ chu diên trong tiền đề mà không chu diên trong kết luận.
- B. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- C. Sai, hai tiền đề là toàn thể mà kết luận lại là phán đoán bộ phận.
- D. Đúng, vì thoả mãn tất cả các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn.

Câu 306. Kiểu tam đoạn luận đơn OAO, thuộc hình 4 đúng hay sai, vì sao?

- A. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề mà chu diên trong kết luận.
- B. Đúng, vì thoả mãn tất cả các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn.
- C. Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
- D. Sai, tiểu từ không chu diên trong tiền đề mà chu diên trong kết luận.

Câu 307. Khi nào hai phán đoán có quan hệ mâu thuẫn với nhau?

- A. Khi chúng không cùng đúng cùng sai.

- B. Khi chúng có cùng thuật ngữ, không cùng đúng cùng sai.
- C. Khi chúng không cùng đúng nhưng có thể cùng sai.
- D. Khi chúng có cùng thuật ngữ hay phán đoán thành phần, không cùng đúng cùng sai.

Câu 308. Điều kiện cần và đủ để hai phán đoán đơn có quan hệ mâu thuẫn nhau là gì?

- A. Khác nhau về chất.
- B. Khác nhau về lượng.
- C. *Khác nhau cả về chất lẫn về lượng.*
- D. Khác nhau cả về chất, lượng lẫn chủ từ, vị từ.

Câu 309. Mâu thuẫn logic xuất hiện trong tư duy là do sự kết hợp hai tư tưởng có quan hệ gì lại với nhau?

- A. *Trái ngược (tương phản).*
- B. Mâu thuẫn (tương khác).
- C. Lệ thuộc (bao hàm).
- D. Đồng nhất (tương đương).

Câu 310. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp logic: $M+ a P- ; S+a P- ?$

- A. $M+ i S-$
- B. $M- o S+$
- C. $S+ a M-$
- D. $S- i M-$

Câu 311. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp logic: $M+ a P-; M+ a S- ?$

- A. $S+ e P+$

B. S- o P+

C. S+ a P-

D. S- i P-

Câu 312. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp logic: P+ a M- ; S+e M+ ?

A. S+ e P+

B. S- o P+

C. S+ a P-

D. S- i P-

Câu 313. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp logic: P+ a M- ; S-i P- ?

A. M+ a S-

B. S- i M-

C. S+ a M-

D. M- i S-

Câu 314. Suy luận: “Sinh viên kinh tế nào tốt nghiệp loại giỏi cũng dễ kiếm việc làm. Có một số sinh viên kinh tế không tốt nghiệp loại giỏi. Như vậy có một số sinh viên kinh tế không dễ tìm việc làm” có phải là tam đoạn luận đơn (nhất quyết) không, nếu phải thì nó đúng hay sai, tại sao?

A. Không phải là tam đoạn luận đơn (nhất quyết);

B. Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận;

C. Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề, mà chu diên trong kết luận;

D. Đúng, vì tuân thủ các quy tắc của tam đoạn luận đơn.

Câu 315. Có bao nhiêu mệnh đề có quan hệ mâu thuẫn với 1 mệnh đề cho trước?

- A. Một mệnh đề.
- B. Hai mệnh đề.
- C. Rất nhiều nhưng không vô số mệnh đề.
- D. Vô số mệnh đề.

Câu 316. Có bao nhiêu mệnh đề có quan hệ tương phản với 1 mệnh đề cho trước?

- A. Một mệnh đề.
- B. Hai mệnh đề.
- C. Nhiều mệnh đề.
- D. Vô số mệnh đề.

www.eLib.vn